**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Việt gốc Pháp:**

**1. Cặp Rằn Núi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Cấp bậc quân sự (Cặp rằn) + Tên người (Núi).

- Cặp Rằn: Xuất phát từ Tiếng Pháp gọi trại - Caporale (đọc theo Tiếng Việt: Ca-pô-ran), có nghĩa là hạ sĩ, cai.

- Núi: Nguyễn Văn Núi.

Cặp Rằn Núi là tên một con kênh/kinh nhỏ dẫn nước từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp về phía bắc vào Đồng Tháp Mười, nay thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

Theo dân gian, ở vùng này, khoảng năm 1930, có một người Pháp, không rõ họ tên, đến đây khai khẩn đất hoang và thuê một người dân ở địa phương là Nguyễn Văn Núi làm cặp rằn, nên được mọi người gọi là cặp rằn Núi. Tại đây, ông chủ người Pháp cho đào một số kênh/kinh nhánh, đắp bờ bao để tháo chua, rửa phèn, dẫn nước ngọt nhằm phục vụ cho việc cấy lúa. Tuy nhiên, chính việc này đã làm cho phèn tiềm tàng dưới lòng đất xì lên ngày càng nhiều, khiến cho việc trồng trọt của ông chủ người Pháp bị thất bại hoàn toàn. Do lỗ lã trong kinh doanh điền đất, ông chủ người Pháp buộc phải bỏ cuộc.

Kênh/kinh Cặp Rằn Núi là nơi diễn ra chiến thắng oanh liệt đầu tiên của lực lượng vũ trang huyện Cai Lậy vào tháng 01/1946 khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (tháng 9/1945).

Theo quyển *Lịch sử Đảng bộ huyện Cai Lậy* (tập 1), lúc đó, có một toán lính commando (biệt kích) Pháp sử dụng ghe tam bản đi từ Mỹ Hạnh Đông (nay thuộc thị xã Cai Lậy) đến cầu Quản Oai (nay thuộc xã Phú Cường, huyện Cai Lậy), ngang qua khu vực kênh/kinh Cặp Rằn Núi. Ta cho người đến giả báo với chúng là tại kênh/kinh Cặp Rằn Núi có một toán cướp quấy nhiễu, cướp bóc người dân lương thiện. Bọn chỉ huy tưởng thật cho lính đến đánh dẹp. Nhân cơ hội đó, ta bí mật tổ chức cho hai tiểu đội vũ trang của huyện tiến hành phục kích. Khi bọn này lọt vào trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng tấn công, làm chết 2 tên, số còn lại hốt hoảng bỏ chạy. Đây là chiến thắng mở màn cho cách đánh du kích và chủ động đánh địch của quân dân huyện Cai Lậy trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**2.** **Kênh/Kinh Bà Đầm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Giới tính (Bà Đầm).

- Kênh/Kinh: Xin xem mục từ Kênh/Kinh Arroyo de la Poste.

- Bà Đầm: Đầm gọi tắt từ Tiếng Pháp - Madame, có nghĩa là Bà, dân gian quen gọi là Bà Đầm. Đây là một phụ nữ Việt, tên là Nguyễn Thị Dơn, có chồng người Pháp - người khai khẩn điền đất ở Tân Hòa Tây. Tại đây, ông chủ người Pháp thuê nhân công đào một số con kênh/kinh; trong đó có con kênh/kinh được dân gian đặt tên là Bà Đầm. Kinh doanh thua lỗ, ông chủ người Pháp, sau đó, phải rời đi.

Kênh/kinh Bà Đầm là một con kinh nhỏ lấy nước từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp dẫn vào Đồng Tháp Mười, nay thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

**3.** **Kênh/Kinh Xáng Lecomb (đọc theo Tiếng Việt: Lơ-com)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lecombe: Tên đầy đủ là Alexis Elie Lecombe. Ông ta làm Chủ tỉnh Mỹ Tho (Chef de la province de Mytho) từ năm 1922 - năm 1925).

Kênh/Kinh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) khoảng từ năm 1922 - năm 1925 lúc Lecombe giữ chức Chủ tỉnh Mỹ Tho. Năm 1949, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ cho đổi tên thành kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, một cán bộ cách mạng, hy sinh năm 1949.

Kênh/Kinh xáng Nguyễn Tấn Thành chảy qua hai huyện Châu Thành và Tân Phước. Điểm đầu nối từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp A, tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước của huyện Tân Phước chảy thẳng xuống phía nam, cắt qua Quốc lộ 1 tại cầu Kênh/Kinh Xáng (xã Long Định); sau đó, chảy tiếp cắt qua Đường tỉnh 864 tại cầu cũng có tên là cầu Kênh/Kinh Xáng (còn gọi là cầu Đồng Tâm, giáp ranh hai xã Bình Đức và Song Thuận) rồi đổ ra sông Tiền. Kênh/Kinh dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kênh/kinh lên đến 125m, chiều sâu 5m - 8m so với mặt đất tự nhiên.

\* **Địa danh còn tranh luận về gốc từ:**

**1.** **Tràm Cá Bông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Cá bông: tức cá lóc bông, là một loại cá nước ngọt, có thân tròn, dài, đuôi dẹp, đỉnh đầu bằng và rộng, mõm hơi tròn. Trên lưng màu nâu đen hoặc xanh sậm, có hai dải sọc đậm dọc thân, vì thế được gọi là cá bông hay cá lóc bông. Cá lóc bông là loài có kích thước lớn nhất trong họ cá lóc, có thịt thơm ngon, rất được ưa chuộng).

Tràm Cá Bông thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm ngập nước có nhiều cá bông/cá lóc bông.

**2.** **Tràm Cá Sặc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Cá sặc: là một loài cá nước ngọt, thường sống trong các cánh đồng cạn hay vùng đầm lầy, có thân hình dẹp và kéo dài, hai vây ngực dài, dưới cổ có hai râu kéo dài đến tận đuôi. Cá thường có màu vàng nâu, trên thân có những sọc xen kẽ. Thịt ngọt và dai, được chế biến thành nhiều món ngon, nhất là khô cá sặc).

Tràm Cá Sặc thuộc xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm ngập nước có nhiều cá sặc.

**3. Tràm Mù**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: ở đây có nghĩa là mù mịt, tăm tối).

Tràm Mù là khu rừng tràm rậm rạp, mù mịt. Đó là tên của một con kênh/kinh chảy trên địa bàn huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang - kênh/kinh Tràm Mù. Con kinh này dài 22km, xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân, Thạnh Hòa, có điểm đầu nối với rạch Láng Cát tại xã Tân Hòa Đông, điểm cuối nối với kinh Một, giáp ranh huyện Cai Lậy.

Song song kênh/kinh Tràm Mù là đường Tràm Mù có tổng chiều dài gần 5.600 m, rộng 12 m, mặt đường rộng 7 m, lề đường mỗi bên rộng 2,5 m, kết cấu mặt đường láng nhựa 2 lớp, tổng vốn đầu tư hơn 50 tỷ đồng. Đây là trục giao thông huyết mạch đáp ứng cho nhu cầu giao thông ngày càng cao của các xã phía Tây Bắc của huyện Tân Phước, nối trung tâm huyện với Trại giam Phước Hòa (Tổng Cục VIII - Bộ Công an), Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười ở xã Thạnh Tân, Thiền viện Trúc lâm Chánh Giác,... Bên cạnh đó, cầu kênh/kinh Tràm Mù tại trung tâm huyện cũng được xây dựng với chiều dài hơn 44 m, rộng 10 m.

Khu vực Tràm Mù là căn cứ cách mạng quan trọng của tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975). Hiện nay, vùng này có tiềm năng du lịch rất lớn với Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác, Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười và những cánh đồng trồng khóm, khoai mỡ, thanh long rộng lớn.

**4. Tràm Quạ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Quạ: là loại chim có lông màu đen, cánh dài, mỏ dài và quặp, thường kiếm ăn ở những nơi ngập nước, bãi lầy).

Tràm Quạ thuộc xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm có nhiều chim quạ cư ngụ, sinh sôi nảy nở.

**5. Kênh/Kinh Cầu Sao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

### Kênh/Kinh Cầu Sao là con kênh chảy ngang qua cầu Sao tọa lạc tại Giồng Sao - giồng đất có nhiều cây sao.

### Kênh/Kinh này chảy qua hai huyện Tân Phước và Châu Thành, dài 13,3 km, rộng 35 m, sâu từ 3 - 4,5 m. Điểm đầu nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kênh/kinh Cà Dăm.

### Ở phía bắc Quốc lộ 1, kênh/kinh Cầu Sao nối với kênh/kinh Bà Thước và kênh/kinh Kháng Chiến ở xã Điềm Hy và băng qua kênh/kinh Hai tại xã Nhị Bình rồi chảy xuống kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

Ở phía nam Quốc lộ 1, đoạn chảy qua xã Bình Trưng khá ngoằn ngoèo, trước khi nối vào rạch Gầm ở xã Vĩnh Kim, con kênh/kinh này chia nước cho nhiều kênh/kinh nội đồng trong khu vực và trở thành chi lưu quan trọng của Rạch Gầm.

**6. Kênh/Kinh Năn**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Thực vật (Năn: là một loại cỏ mọc hoang trên những cánh đồng ngập nước. Củ của loại năn ngọt ăn được. Thịt củ màu trắng, giòn và có thể dùng để ăn sống, luộc, nướng, làm dưa món hoặc đóng hộp. Người ta còn nghiền củ năn ngọt thành bột để làm bánh)

### Kênh/Kinh Năn là con kênh chảy ngang qua những cánh đồng ngập nước, hoang hóa, có nhiều cỏ năn, dài 10,68 km, nối Ngã ba rạch Bến Chùa ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành với Ngã ba kênh/kinh Tháp Mười số 2 tại xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)****(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số****(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP****Mỹ Tho** | **TX** **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu** **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ****Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Tân Phước:**

**1. Huyện Tân Phước**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

縣 Huyện

新富縣 Tân Phước Huyện

**Vị trí địa lý:**

Huyện cách trung tâm thành phố Mỹ Tho 25 km về hướng Tây Bắc; phía Đông giáp huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Long An; phía Tây giáp huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Long An; phía Nam giáp huyện Châu Thành và huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 33.320 ha.

**Hành chính:**

Huyện Tân Phước có 01 thị trấn và 11 xã, gồm: thị trấn Mỹ Phước và các xã Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Phước Lập, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân.

**Lịch sử hình thành:**

Trước năm 1994, địa bàn huyện Tân Phước ngày nay thuộc hai huyện Châu Thành và Cai Lậy của tỉnh Tiền Giang. Trong đó, xã Tân Hòa Tây trước đây thuộc huyện Cai Lậy; 6 xã Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành trước đây cùng thuộc huyện Châu Thành.

Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang như sau: Thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở diện tích tự nhiên 10.634,72 ha (trong đó có 580 hécta giao lại cho tỉnh Long An), nhân khẩu 5.698 người của huyện Cai Lậy và diện tích tự nhiên 23.486,53 ha (trong đó có 550,81 hécta giao cho tỉnh Long An), nhân khẩu 36.333 người của huyện Châu Thành.

Khi mới thành lập, 7 xã nêu trên (Tân Hòa Tây, Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành) được chia lại như sau: chia xã Tân Hòa Tây thành ba xã mới là Tân Hòa Tây, Thạnh Hòa và Thạnh Tân; tách đất xã Mỹ Phước để thành lập thị trấn Mỹ Phước (thị trấn huyện lỵ huyện Tân Phước); chia xã Tân Lập thành hai xã là Tân Lập 1 và Tân Lập 2; tách một phần đất đai các xã Mỹ Phước và Tân Lập để thành lập mới xã Phước Lập; chia xã Tân Hòa Đông thành hai xã mới là Tân Hòa Đông và Thạnh Mỹ; giữ nguyên địa giới hành chính các xã Tân Hòa Thành, Phú Mỹ và Hưng Thạnh như cũ.

Năm 1994, huyện Tân Phước có diện tích tự nhiên là 32.991,44 ha; nhân khẩu 42.031 người; gồm 13 đơn vị hành chính là thị trấn Mỹ Phước và 12 xã: Phú Mỹ, Tân Hoà Thành, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Tân Hoà Đông, Tân Hoà Tây, Thạnh Mỹ, Thạnh Hoà, Thạnh Tân, Phước Lập, Tân Lập 1, Tân Lập 2.

Ngày 10/1/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 870/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tiền Giang (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2020). Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Mỹ Phước vào thị trấn Mỹ Phước. Do vậy, huyện Tân Phước có 1 thị trấn và 11 xã như hiện nay: thị trấn Mỹ Phước (huyện lỵ) và 11 xã: Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Phước Lập, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân. Năm 2020, huyện có 08 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới là: Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân.

Đặc sản: Trái khóm tươi, kẹo/mứt khóm, khoai mỡ, đọt rau choại,...

**Dân số:** 65.650 người (2020)

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50.62 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Là một huyện nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, nên đất đai, nguồn nước đều bị nhiễm phèn, hàng năm bị ảnh hưởng lũ lụt của vùng Đồng Tháp Mười. Qua quá trình xây dựng và phát triển, công cuộc khai thác và cải tạo đất đai, phát triển hệ thống thủy lợi tháo chua, rửa phèn, dẫn nước ngọt, thoát lũ, khai hoang sản xuất; xây dựng hệ thống đê bao bảo vệ cây trồng trong mùa lũ, xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế,…phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư; xây dựng hệ thống chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh đã thay đổi diện mạo của vùng đất từng mệnh danh là “rốn phèn, rốn lũ” đến nay kinh tế - xã hội của huyện phát triển vượt bậc, đời sống nhân dân được cải thiện nhiều mặt, thu hút đầu tư nhiều dự án lớn, khẳng định nơi đây không phải là “vùng đất chết”.

Kinh tế của huyện luôn tăng trưởng ở mức cao đạt 17,13%/năm, giai đoạn 2015 – 2020. Các khu vực kinh tế có mức tăng trưởng phù với đặc thù của huyện, trong đó:  khu vực I đạt 50.81%; khu vực II đạt 48.45%; khu vực III đạt 35.9%. Sản xuất nông nghiệp được phát triển theo hướng đa dạng, năng suất, chất lượng và hiệu quả; diện tích canh tác cây lúa là 6.471 ha đạt 100% diện tích lúa được cơ giới hóa từ khâu làm đất đến thu hoạch; diện tích cây khóm giảm dần, còn 15.125,6 ha, chủ yếu do chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả hơn như thanh long, mít, chanh, bơ, mãng cầu, cam, bưởi,… Chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô công nghiệp được hình thành, từng bước phát triển, chất lượng ngày càng nâng lên, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân 6,0%/năm.

Các vùng kinh tế chủ lực của huyện:

- Vùng khóm nguyên liệu: 15.700 ha, sản lượng 287.000 tấn/năm. Là vùng nguyên liệu khóm (dứa) lớn nhất tỉnh, phục vụ cho công nghiệp chế biến xuất khẩu. Mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đang giúp nông dân sản xuất, tiêu thụ có hiệu quả.

- Vùng sản xuất lúa: 6.600 ha, diện tích gieo trồng hàng năm trên 17.800 ha; sản lượng bình quân gần 110.000 tấn/ năm . Mô hình "cánh đồng mẫu lớn" cho hiệu quả sản xuất cao và thúc đẩy thực hiện tốt CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn tại huyện.

- Vùng khoai mỡ : 1.000 ha, sản lượng 16.000 tấn/năm; là cây trồng thích nghi vùng đất phèn ở khu vực phía đông bắc của huyện, hiêu quả kinh tế cao cho nông dân.

- Rau màu các loại : 2.200 ha, sản lượng hàng năm 35.200 tấn. Trong đó, cây dưa hấu trên đất phèn hàng năm gần 200 ha, chất lượng rất ngon, không thua kém các vùng khác.

- Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao và quy mô lớn: hàng năm tổng đàn ổn định: đàn gia cầm 350.000 con, đàn heo 15.000 con.

- Rừng tràm: 3.100 ha, là vùng đệm khu bảo tồn sinh thái, bảo vệ hệ sinh thái vùng ngập nước Đồng Tháp Mười.

- Khu công nghiệp Long Giang: 540 ha, với các ngành công nghiệp hiện đại, vốn đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động.

Nhìn chung, tình hình sản xuất nông nghiệp ổn định, các chỉ tiêu về diện tích gieo trồng, sản lượng thu hoạch các loại cây trồng, vật nuôi cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Công tác phòng, chống xâm nhập mặn được các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp bảo vệ sản xuất cho nhân dân; các hoạt động hỗ trợ sản xuất như tăng cường kiểm soát, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, đàn vật nuôi, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật được các cấp, các ngành thực hiện tốt, hiệu quả sản xuất tiếp tục được nâng lên.

**Giáo dục:**

Chất lượng dạy học được tăng lên, tỷ lệ học sinh huy động so với dân số trong độ tuổi ở các bậc học, tỷ lệ duy trì sĩ số và lên lớp thẳng đạt mục tiêu; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và đỗ đại học ngày càng tăng. Công tác phổ cập giáo dục đảm bảo tính bền vững, được tái công nhận hàng năm.

**Y tế:**

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế; quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh theo hướng hiện đại. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, 100% trạm y tế có bác sĩ, 100% ấp - khu phố có Tổ y tế hoạt động thường xuyên, 12/12 xã - thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Các cơ sở y tế thực hiện tốt công tác khám và điều trị bệnh cho nhân dân; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục sức khoẻ; chú trọng công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trong cộng đồng và hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

**Giao thông:**

Tập trung đầu tư nâng cấp tải trọng cầu – đường đáp ứng nhu cầu vận vải hàng hóa, từng bước đồng bộ hệ thống giao thông nội huyện, kết nối với hệ thống đường tỉnh xuyên qua địa bàn. Quan tâm hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Củng cố hệ thống cung cấp nước sinh hoạt nông thôn, đầu tư mở rộng, cải thiện chất lượng nước, đồng thời chuyển đổi mô hình quản lý từ Tổ hợp tác sang doanh nghiệp.

**Văn hóa:**

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin được thực hiện đúng quy định, các cấp chính quyền thường xuyên chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm trên lĩnh vực văn hóa, dịch vụ văn hóa. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì, củng cố và nâng chất gắn với xây dựng nông thôn mới – đô thị văn minh. Nhiều phong trào thiết thực được đông đảo quần chúng tham gia, chất lượng nâng lên, hàng năm có 92,64% hộ gia đình, 96% cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy; các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội được bài trừ, môi trường văn hóa lành mạnh được củng cố.

**Du lịch:**

Tiếp tục lãnh đạo các cấp, các ngành, phối hợp với các sở, ngành tỉnh triển khai các giải pháp phù hợp, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển du lịch trên địa bàn gắn với thực hiện Nghị quyết 13-NQ/HU ngày 05/5/2017 của Huyện ủy. Một số điểm du lịch trên địa bàn huyện có thể liên kết với các địa phương lân cận để hình thành tour du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh và du lịch cộng đồng như: Di tích lịch sử - văn hóa Đình Dương Hòa, di tích lịch sử cách mạng bia căm thù Phú Mỹ; Khu Bảo tồn sinh thái với 100,6 ha. Có trên 50 loài chim, cò sinh sống, bảo tồn hệ thực vật sinh thái ngập nước vùng Đồng Tháp Mười; Khu thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác: rộng 30 ha, được xây dựng năm 2012 theo mô hình truyền thống của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử trực thuộc danh bộ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Số lượng khách từ các địa phương đến địa bàn huyện khá đông, khoảng 466.850 lượt người trong giai đoạn 2015 – 2020.

**Thể thao:**

Các hoạt động thể dục, thể thao được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức, đáp ứng nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đồng thời được mở rộng và từng bước xã hội hóa, thu hút nhiều thành phần tham gia, tạo sân chơi lành mạnh trong cộng đồng.

**Tổng số liệt sĩ:** 1.035 liệt sĩ.

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng:** 157 Bà mẹ.

**2. Thị trấn Mỹ Phước**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

**美**福 Mỹ Phước

**市鎮** Thị trấn

**美**福**市鎮** Mỹ Phước Thị trấn

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Mỹ Phước nằm ở trung tâm huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Hưng Thạnh; phía Tây giáp xã Tân Hỏa Tây; phía Nam giáp xã Phước Lập; phía Bắc giáp xã Thạnh Mỹ và xã Thạnh Tân.

**Diện tích tự nhiên:** 4.028ha.

**Hành chính:**

Thị trấn có 5 khu phố là: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 5.

**Lịch sử hành chính:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Phước An và Mỹ Điền thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1863, Phước An đổi thành Phước Lộc. Năm 1900, hai làng Phước Lộc và Mỹ Điền thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, hai làng Mỹ Điền và Phước Lộc hợp nhất, có tên là Mỹ Phước, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, hai làng Hưng Thạnh và Mỹ Phước hợp nhất, lấy tên là Hưng Thạnh Mỹ, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Phước thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Hưng Thạnh Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Phước thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, huyện Tân Phước được thành lập, xã Mỹ Phước được tách ra thành thị trấn Mỹ Phước và xã Mỹ Phước (mới) thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã Mỹ Phước hợp nhất với thị trấn Mỹ Phước, lấy tên là thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đặc sản: đọt choại, trái khóm tươi, kẹo khóm Tân Phước,...

**Dân số:** 6.690 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50.000.000 đồng/người/năm (năm 2020).

**Kinh tế:**

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ có bước phát triển và hoạt động tương đối ổn định, hoạt động kinh doanh phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chợ Tân Phước đầu tư xây mới, phân loại ngành hàng, quy mô mua bán kinh doanh ngày càng được mở rộng, chủng loại hàng hóa phong phú.

Về sản xuất nông nghiệp, vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, chuyển đổi từ trồng cây kém hiệu quả và cây lâm nghiệp sang các loại cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao hơn, công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng được đảm bảo, chăn nuôi gia súc gia cầm với quy mô lớn, từng bước phát triển, chất lượng ngày càng nâng lên. Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đầu tư công gắn với mục tiêu xây dựng thị trấn văn minh đô thị. Công tác quản lý ngân sách được lãnh đạo thực hiện có hiệu quả, khai thác tốt các nguồn thu, từ đó thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai được tăng cường cũng cố và đi vào nề nếp.

Các thành phần kinh tế cá thể phát triển theo hướng tích cực, hoạt động có hiệu quả, các doang nghiệp và hợp tác xã đầu tư vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh; liên kết kinh doanh với các đơn vị trong và ngoài huyện, ngoài tỉnh tạo việc làm ổn định góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người lao động; tăng thu ngân sách góp phần tăng trưởng kinh tế.

**Giáo dục:**

Thị trấn có 04 trường: Trường mầm non thị trấn Mỹ Phước, Trường tiểu học thị trấn Mỹ Phước, Trường trung học cơ sở thị trấn Mỹ Phước, trường trung học phổ thông Tân Phước.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 11 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đầu tư công gắn với mục tiêu chỉnh trang đô thị, hệ thống giao thông từng bước được hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi đi lại cho nhân dân.

**Văn hóa:**

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được quan tâm, chú trọng góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ” gắn với xây dựng thị trấn văn minh đô thị ngày càng nâng cao về chất lượng, hiệu quả. Thị trấn có nhà văn hóa đa năng đạt chuẩn quy định. Có trên 95% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá, có 100% cơ quan đạt chuẩn “Cơ quan văn hóa”; 05/05 khu phố văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và 06 con đường văn hóa.

**Du lịch:**

Thịtrấn có chùa cổ Phật Đá thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái.

**Thể thao:**

Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia tập luyện, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Công tác gia đình ngày được quan tâm, phát huy các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp trong gia đình, góp phần xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

**Tổng số liệt sĩ:**  88 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** có 15 Bà mẹ.

**3. Xã Hưng Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

興 Hưng: Hưng thịnh

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

興盛社 Hưng Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Hưng Thạnh, nằm phía đông huyện Tân Phước; ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp xã Phú Mỹ.

- Phía Tây: giáp thị trấn Mỹ Phước.

- Phía Nam: giáp xã Tân Hòa Thành, Tân Lập 2.

- Phía Bắc: giáp xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ.

**Diện tích tự nhiên:** 3.257,08ha.

**Hành chính:**

Xã Hưng Thạnh có 3 ấp gồm: Hưng Điền, Hưng Quới, Hưng Phú.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Hưng Thạnh thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Hưng Thạnh thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, hai làng Hưng Thạnh và Mỹ Phước hợp nhất, lấy tên là Hưng Thạnh Mỹ, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Hưng Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hưng Thạnh thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Hưng Thạnh Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hưng Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, huyện Tân Phước được thành lập, xã Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 7.287 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 51,56 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Hưng Thạnh có 01 chợ nằm tại trung tâm xã đáp ứng nhu cầu mua, bán phục vụ cho người dân. Trên địa bàn xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp có 2.843,46 ha. Trong đó sản xuất khóm 2.331 ha; thanh long 144,5 ha; chanh 18,25 ha; mít 46,3 ha; dừa 22,7 ha; cam 18,4 ha; dừa 5 ha; lúa 48,4 ha; xoài, bưởi, mãng cầu, măng cụt, ổi, nhàu 18 ha,...

**Giáo dục:**

Xã có 03 Trường: Trường trung học cơ sở Hưng Thạnh, Trường tiểu học Hưng Thạnh, Trường mầm non Hưng Thạnh. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 02 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 865 chạy ngang và Đường huyện 45, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Bên cạnh đó, xã còn có tuyến kênh Nguyễn Văn Tiếp đi qua các tỉnh, tạo nhiều thuận lợi cho giao thông thủy cũng như vận chuyển và trao đổi hàng hóa ở địa phương.

Trên địa bàn xã có tổng cộng 4 tuyến đường với tổng chiều dài là 10.600m, cụ thể như sau:

Đường đê Kênh 19/5 chiều dài 2.700m, mặt đường rộng 3,5m, được nhựa hóa.

Đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tổng cộng có 03 tuyến, chiều dài 8.900m được nhựa hóa 100%.

Đường đông kênh Rạch Đình có chiều dài 4.50m, mặt đường rộng 3,5m, được nhựa hóa.

Đường đông kênh Ông Chủ có chiều dài 3.800m, mặt đường rộng 3m, được nhựa hóa.

Đường đông kênh Cống Bọng có chiều dài 600m, mặt đường rộng 3m, được nhựa hóa.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa (hội trường đa năng) và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã gồm 01 hội trường, 05 phòng chức năng theo quy định. Nhà văn hoá xã có quy mô 3.051,4 m2, đảm bảo trên 200 chỗ ngồi, với tổng kinh phí xây dựng 7.665.166.752 đồng được đưa vào sử dụng năm 2020. Có 3/3 ấp được tái công nhận danh hiệu ấp văn hóa đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm xã có trên 90% hộ dân đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét có trên 87% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; qua đó góp phần xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn minh, đẩy lùi các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; xây dựng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Trụ sở ấp văn hóa các ấp Hưng, Hưng Quới, Hưng Phú có cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có các điểm tập luyện thể thao, như: sân bóng đá mini 800m2, bóng chuyền 300m2  tại nhà văn hóa xã thuộc ấp Hưng Điền; sân bóng chuyền 200m2, sân bóng đá mini 1.000m2 thuộc ấp Hưng Phú; sân bóng đá mini 600m2 thuộc ấp Hưng Quới.

Các công trình phụ gồm hồ bơi di động trong khuôn viên Trường tiểu học Hưng Thạnh với thể tích 60m3 và có bố trí các dụng cụ phục vụ cho bơi lội.

Hàng năm, nhân các ngày lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước xã có tổ chức giao lưu thể dục thể thao như bóng đá, bóng chuyền và các trò chơi dân gian…

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 10 Bà mẹ.

**4. Xã Phú Mỹ**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

美 Mỹ: Tốt, đẹp

富美社 Phú Mỹ Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Mỹ nằm về phía Đông huyện Tân Phước; phía Đông giáp huyện Thủ Thừa (tỉnh Long An); phía Tây giáp xã Tân Hòa Đông và Hưng Thạnh; phía Nam giáp xã Hưng Thạnh và Tân Hòa Thành; phía Bắc giáp huyện Thủ Thừa (tỉnh Long An).

**Diện tích tự nhiên:** 1.340,10 ha.

**Hành chính:**

Xã có 4 ấp: ấp Phú Hữu, Phú Nhuận, Phú Xuân và Phú Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Phú Mỹ thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Phú Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Mỹ thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã thuộc huyện Tân Phước. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.257 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60 triệu đồng/người/năm (2020)

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã Phú Mỹ chuyển dịch theo hướng tăng dần thương mại dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần nông nghiệp: Thời gian qua cơ cấu ngành nông nghiệp của xã ngày càng giảm. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành chính của xã với các loại cây trồng chính là: cây lúa và khóm, khoai mỡ.

Xã có 516 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, toàn xã có 37 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 51 cơ sở vận tải hàng hóa và vận chuyển hành chuyển hành khách đường bộ, 73 cơ sở dịch vụ ăn uống, 22 cơ sở bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ, 293 cơ sở bán buôn bán lẻ hàng hóa, 40 cơ sở hoạt động ngành nghề dịch vụ, công nghệ thông tin và truyền thông; 22 doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 ngân hàng. 01 hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp tổng số xã viên 30 xã viên.

**Giáo dục:**

Xã có 04 trường: Trường mầm non Phú Mỹ, Trường tiểu học Phú Mỹ A, Trường tiểu học Phú Mỹ B, Trường trung học cơ sở Phú Mỹ. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 865 đi ngang qua giáp với Đường tỉnh 866 tạo thành cầu nối quan trọng của các xã trong huyện với trung tâm thị trấn Tân Hiệp và thành phố Tân An tỉnh Long An.

Hệ thống giao thông đường bộ trọng yếu của xã đã được nâng cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân dân giao lưu hàng hóa và đi lại sản xuất..

**Văn hóa:**

Hoạt động văn hóa của xã trong các năm qua đã đạt được nhiều kết quả tốt; đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân luôn được chú trọng và từng bước được nâng cao. Tính đến nay có trên 85% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 4/4 ấp được công nhận là ấp văn hóa, xã Phú Mỹ đạt danh hiệu xã văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới, xã Nông thôn mới.

**Du lịch:** Du lịch của xã còn dưới dạng tiềm năng.

**Thể thao:**

Xã có sân bóng đá tại ấp Phú Xuân là nơi tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao. Bên cạnh đó còn có 2 sân cỏ nhân tạo phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân trong và ngoài xã.

**Tổng số liệt sĩ:** 154 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 16 Bà mẹ.

**5. Xã Phước Lập**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

福立社 Phước Lập Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phước Lập phía Đông giáp xã Tân Lập 1 và xã Tân Lập 2; phía Tây giáp xã Điềm Hy (huyện Châu Thành) và xã Mỹ Hạnh Đông, xã Tân Phú (thị xã Cai Lậy); phía Nam giáp xã Long Định và xã Nhị Bình (huyện Châu Thành); phía Bắc giáp thị trấn Mỹ Phước.

**Hành chính**

Có 7 ấp: Kinh 2A, Kinh 2B, Mỹ Hòa, Mỹ Lợi, Mỹ Bình, Mỹ Thành, Mỹ Phú.

**Lịch sử hình thành:**

Xã Phước Lập được thành lập năm 1994 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Long Định, huyện Châu Thành. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.658 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Năm 2020, xã có 432 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoạt động ổn định, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước giải quyết được nguyên liệu và lao động ở địa phương.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục được phát triển và hoạt động có hiệu quả, năm 2020, xã có 290 cơ sở kinh doanh, chủ yếu là các mặt hàng phục vụ xây dựng, sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ và các cửa hàng phục vụ ăn uống,… góp phần tăng thêm thu nhập và ổn định đời sống người dân. Ngoài ra, trên địa bàn xã có 28 công ty và doanh nghiệp hoạt động, góp phần giải quyết việc làm ổn định cho 2.455 lao động.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chính yếu của xã. Người dân trồng lúa, khóm, thanh long, chăn nuôi gia súc, gia cầm,…

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường: Trường tiểu học Phước Lập (đạt chuẩn quốc gia), Trường mầm non Phước Lập.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Từ năm 2015 – 2020, xã đã xây dựng được 06 công trình, với tổng kinh phí trên 5.511.279.000đ, vận động nhân dân hiến đất trên 16.000m2, nâng cấp, sửa chữa, xây mới 16 cây cầu giao thông nông thôn, tổng kinh phí 3.038.769.000 đồng, nhân dân tự nguyện đóng góp là 119.800.000đ và trên 500 ngày công lao động; 05 công trình thủy lợi, tổng chiều dài 8.107m, tổng kinh phí 896.000.000 đồng như nạo vét các tuyến kênh phục vụ cho tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, phòng, chống thiên tai và sinh hoạt của nhân dân; tổ chức trục vớt lục bình 02 tuyến kênh/kinh gồm kênh/kinh 2 và kênh/kinh 5, đã góp phần đảm bảo nguồn nước để nhân dân phục vụ sản xuất.

**Văn hoá:**

Xã có 5/7 ấp văn hóa, hàng năm, có trên 98% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 85% hộ đạt 03 tiêu chuẩn đình văn hoá.

Hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hoá văn nghệ luôn được quan tâm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy, các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội được bài trừ.

**Du lịch:** Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

**Thể thao:**

Xã có 01 CLB Thể dục dưỡng sinh ở ấp Mỹ Lợi được thành lập vào năm 2020.

Các hoạt động thể dục, thể thao được duy trì. Thường xuyên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao do ngành cấp trên phát động. Phối hợp cùng xã bạn tổ chức giao lưu bóng chuyền, bóng đá,…

Phát động trong nhân dân tham gia phong trào rèn luyện thân thể, phong trào thể dục buổi sáng luôn được duy trì.

**Tổng số liệt sĩ:** 179 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 61 Bà mẹ.

6. **Xã Tân Hòa Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

東 Đông: Phía đông

新和東社 Tân Hòa Đông Xã

**Vị trí địa lý**

Xã Tân Hoà Đông nằm về phía bắc của huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên**: 2.689,51 ha.

**Hành chính:**

Xã có 4 ấp gồm: Tân Thuận, Tân Thành, Tân Phát và Tân Long.

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Tân Hòa Đông hiện nay là vùng đất hoang hóa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ (1945-1975), nơi đây là vùng căn cứ địa cách mạng.

Sau ngày 30-4-1975, xã Tân Hòa Đông được thành lập thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã Tân Hòa Đông thuộc huyện Tân Phước. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 1890 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50.500.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Là vùng chuyên canh trồng khóm và khoai của huyện.

**Giáo dục:**

Xã có 01 Trường mầm non - tiểu học Tân Hòa Đông. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 96,38% (năm 2020).

**Giao thông:**

Có các Đường huyện 40, 41, 45A, 45B giao với các Đường tỉnh 865, 866, 867. Tất các các tuyến đường xã, đường liên ấp đều được bê tông hóa và cứng hóa.

**Văn hoá:**

Xã có 01 nhà văn hóa và 4 ấp có trụ sở văn hóa, 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa. Năm 2020, có 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 95% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

**Du lịch:** Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

**Thể thao:**

Năm 2020, xã có 01 câu lạc bộ thể thao, 1 sân bóng đá và 1 sân bóng chuyền. Phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân ngày càng phát triển.

**Tổng số liệt sĩ:** 9liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:**Không.

7. **Xã Tân Hòa Tây**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

西 Tây: Phía tây

新和西社 Tân Hòa Tây Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm ở phía tây của huyện; phía Đông giáp thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Phú Cường, huyện Cai Lậy; phía Nam giáp xã Mỹ Phước Tây, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy; phía Bắc giáp xã Thạnh Hòa; Thạnh Tân, huyện Tân Phước và xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:**  3.352 ha.

**Hành chính:**

Có 4 ấp: Tân Hưng Phú, Tân Hưng Đông, Tân Hưng Tây, Tân Hưng Phước.

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Tân Hòa Tây hiện nay thuộc hai xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày 30-4-1975, trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của hai xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây, xã Tân Hòa Tây được thành lập thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã Tân Hòa Tây thuộc huyện Tân Phước. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 4.502 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 53,2 triệu/người/năm (năm 2020)

**Kinh tế**:

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Trồng cây lúa nước: 6960 ha

- Trồng cây khóm: 245 ha.

- Trồng cây màu: 108 ha.

Ngoài ra, nhân dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Tân Hòa Tây và Trường mầm non Tân Hòa Tây.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Trên địa bàn xã có 13 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 27,5 km, đều đã được bê tông hóa và cứng hóa, trong đó:

- Đường xã: Có 02 tuyến với chiều dài 8,3km.

- Đường ấp: Có 11 tuyến với chiều dài 19,2km.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa với diện tích 529 m2 đạt chuẩn nông thôn mới và 4 ấp có trụ sở văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới. 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và 3 con đường văn hóa. Hàng năm qua thẩm định 04/04 ấp được tái công nhận danh hiệu văn hóa và có trên 98% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 94% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

**Du lịch**: không có

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích gần 11.000m2.

**Tổng số liệt sĩ**: có 103 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 13 Bà mẹ.

8. **Xã Tân Hòa Thành**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

誠 Thành: Thật thà, thành thật

新和誠社 Tân Hòa Thành Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Hòa Thành ở phía đông bắc của huyện, phía Đông giáp xã Lợi Bình Nhơn, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Tân Lập 2; phía Nam giáp xã Tân Hội Đông và Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp xã Phú Mỹ và Hưng Thạnh.

**Diện tích tự nhiên:** 1.951,66 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: ấp Một, ấp Hai, ấp Ba, ấp Tư, ấp Tân Qưới, ấp Tân Phú, ấp Tân Vinh và ấp Tân Lợi.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hội Tây và Dương Hòa thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, ở đây lập thêm thôn Tân Hòa thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1877, làng Tân Hòa được đổi tên là Tân Thành; năm 1900, ba làng Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, ba làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, ba làng Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành hợp nhất, lấy tên là Tân Hòa Thành, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Tân Hòa Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hòa Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Tân Hòa Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Tân Hòa Thành thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 11.141 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

 Nông nghiệp của xã phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất chuyên canh, cây ăn trái để cải tạo vườn tạp,tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất  nhằm tăng năng suất, sản lượng và đạt chất lượng xuất khẩu. Cụ thể: lúa đạt chuẩn 18 tấn/ha/năm; cây hoa màu thực phẩm năng suất bình quân 17 tấn/ha/năm; gia súc, gia cầm 14.000 con/năm; nuôi trồng thủy sản 18 ha. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã có 240 thành viên tham gia.

Về thương mại dịch vụ: có 230 hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân, chủ yếu mua bán lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, dịch vụ nông lâm ngư nghiệp, vận tải, xây dựng,… Tuy nhiên, phần đông chỉ ở qui mô vừa và nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Tân Hòa Thành, Trường tiểu học Tân Hòa Thành, Trường mầm non Tân Hòa Thành. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 87% (năm 2020).

**Giao thông:**

- Giao thông đường bộ:đường tỉnh: 02; đường huyện: 03; đường xã: 20

- Cầu đường bộ: 28 cầu.

-Giao thông thủy: 32 tuyến kênh/kinh, rạch chính.

- Cống: 20 cống kiên cố.

Tất cả các tuyến đường, cầu, kênh/kinh, rạch, cống đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa và đi lại của nhân dân.

**Văn hóa:**

Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa; 01 Nhà văn hóa xã; 08/08 Nhà văn hóa.

**Du lịch:** Không.

**Thể Thao:**

Xã có 01 sân vận động, 01 đội bóng đá và 01 đội bóng chuyền; 08 ấp

**Tổng số liệt sĩ:** 199 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:**  35 Bà mẹ.

9. **Xã Tân Lập 1**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt và chữ số:

新 Tân: Mới mẻ

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

一 : 1

新立一社 Tân Lập 1 Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm về phía Đông Nam huyện; phía Đông giáp xã Tân Lý Đông huyện Châu Thành; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Long Định, xã Tam Hiệp và xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Tân Lập 2, xã Tân Hòa Thành.

**Diện tích tự nhiên:** 2.965,10 ha.

**Hành chính:**

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Tân Lập 1 hiện nay nằm trong vùng Đồng Tháp Mười hoang vu không có người định cư.

Năm 1994, xã Tân Lập 1 được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:**6.312 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 49 triệu đồng/người/năm (năm 2020)

**Kinh tế:**

Tiềm năng và động lực chính của xã là nằm trong vùng quy hoạch xây dựng đô thị và công nghiệp thuộc khu đông nam huyện Tân Phước.

Ngoài ra, xã còn thế mạnh là phát triển vùng chuyên canh cây khóm cho năng suất, sản lượng và đem lại hiệu quả kinh tế cao; cung ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh, chế biến xuất khẩu.

Hướng phát triển của xã là nền kinh tế tổng hợp, trong đó phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có Khu công nghiệp Long Giang và tương lai sẽ thành lập Khu công nghiệp Nam Tân Phước 1.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Lập 1; Trường tiểu học Tân Lập 1và Trường trung học cơ sở Tân Lập 1.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học,

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 88% (2020).

**Giao thông:**

Xã có đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương và Đường tỉnh 866B đi ngang qua và Đường Huyện 44, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông của xã với bên ngoài.

Ngoài ra, còn các đường giao thông khác xã như: đường Đông kinh Năng, đường Bắc Kinh 2; đường Nam Kinh 2, đường Đông kinh Tuyến Bảy; đường kinh Thầy Lực, đường Bắc Kinh 1; đường Tây kinh Tuyến Bảy và

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa xã và 5/5 ấp có nhà văn hóa ấp, có 3/5 ấp Văn hóa.

**Du lịch:** Xã chưa có điểm du lịch.

**Thể thao:**

Trên địa bàn xã có một sân bóng đá mini của tư nhân.

**Tổng số liệt sĩ:** 38 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 05 Bà mẹ.

**10.** **Xã Tân Lập 2**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt và chữ số:

新 Tân: Mới mẻ

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

二: 2

新立二社 Tân Lập 2 Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm về phía Đông Nam huyện; phía Đông giáp xã Tân Hòa Thành và xã Hưng Thạnh; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Tân Lập 1; phía Bắc giáp thị trấn Mỹ Phước và xã Hưng Thạnh.

**Diện tích tự nhiên:** 1.630,30 ha.

**Hành chính:**

Xã có 4 ấp gồm: Tân Bình, Tân Hòa, Tân Phong và Tân Vinh.

**Lịch sử hình thành:**

Trước năm 1994, xã Tân Lập 2 thuộc 3 xã: Hưng Thạnh, Mỹ Phước và Tân Lập thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đồng thời chịu sự quản lý trực tiếp của Nông trường quốc doanh Tân Lập.

Năm 1994, trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số xã Hưng Thạnh, xã Tân Lập 2 được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 2.440 người (năm 2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp, đặc biệt là cây khóm với diện tích 724 ha, sản lượng thu hoạch được 16.652 tấn (2020). Ngoài ra, nhân dân còn trồng cây ăn quả khác, như thanh long, mít, chanh,... với tổng diện tích 118 ha, sản lượng 1.920 tấn (2020). Bên cạnh đó, nhân dân còn tận dụng diện tích ao, mương nuôi cá,... Xã có 01 hợp tác xã nông nghiệp Quyết Thắng.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ: xã có 27 hộ buôn bán nhỏ lẻ, vận tải hàng hóa, có 3 trạm cấp nước đảm bảo cung cấp nước sạch sinh hoạt của người dân trong xã và một phần xã Hưng Thạnh. Nghề làm mứt khóm tiếp tục được duy trì nhỏ lẻ tại các hộ gia đình.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mẫu giáo Tân Lập 2, Trường tiểu học Tân Lập 2, Trường trung học cơ sở Tân Lập 2. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Các tuyến đường trong xã đã được láng nhựa với chiều dài 3,7 km, tạo điều kiện cho giao thương hàng hóa và việc đi lại của nhân dân được thuận lợi hơn.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa, 4/4 ấp được UBND huyện công nhận ấp văn hóa. Hàng năm xã có 100% hộ dân đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình Văn hóa, qua bình xét có trên 97% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; qua đó góp phần xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn minh, đẩy lùi các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; xây dựng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá diện tích 3.500 m2 , 02 sân bóng chuyền tại ấp Tân Bình và ấp Tân Phong diện tích 3.360 m2, phục vụ cho thanh thiếu niên vui chơi, giải trí.

**Tổng số liệt sĩ:** 26 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 05 Bà mẹ.

**11.** **Xã Thạnh Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

盛和社 Thạnh Hòa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Hòa nằm về phía Tây Bắc huyện; phía Đông giáp xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; phía Nam giáp xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước; phía Bắc giáp xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 2.479,37ha.

**Hành chính:**

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Thạnh Hòa hiện nay nằm trong vùng Đồng Tháp Mười hoang vu không có người định cư.

Năm 1994, xã Thạnh Hòa được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 1.207 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 58.000.000 đồng/người/năm (2020)

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp được duy trì và phát triển như: mô hình liên kết sản xuất lúa của nông dân ấp Hòa Xuân, mô hình sản xuất giống lúa chất lượng cao 10 ha, mô hình trình diễn lúa chất lượng cao OM 9921 diện tích 10 ha… Diện tích các loại cây ăn quả tăng nhanh, năm 2020 có 208 ha, riêng cây khóm diện tích giảm mạnh do sản xuất kém hiệu quả, năm 2020 chỉ còn 161 ha.

Chăn nuôi phát triển mạnh về quy mô, tổng đàn gia súc, gia cầm đạt khoảng 7.400 con (2020). Hoạt động nuôi thả thủy sản được duy trì, chủ yếu là nuôi cá, tổng diện tích nuôi khoảng 80 ha, sản lượng khoảng 3.000 tấn (2020).

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường học: Trường tiểu học - mầm non Thạnh Hòa đạt chuẩn Quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

**Giao thông:**

Trên địa bàn xã có tổng cộng 20 tuyến đường với tổng chiều dài là 34,03 km, gồm 03 tuyến đường xã, 13 tuyến đường ấp, 04 tuyến đường dân sinh và có 27 cây cầu chính với tổng chiều dài 810 m.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 03 nhà văn hóa ấp, 03 ấp đều được công nhận ấp văn hóa.

Duy trì mô hình: “Hát nhạc truyền thống” sinh hoạt định kỳ vào ngày 15 (dương lịch) hằng tháng.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá mini. Duy trì và phát triển phong trào thể dục thể thao, tham gia hội thi cấp huyện đảm bảo theo yêu cầu, kế hoạch; Câu lạc bộ “Luyện tập và giao lưu bóng đá” ra mắt vào tháng 7/2020, đã thu hút nhiều người tham gia.

**Tổng số liệt sĩ:** 03 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng:**01 Bà mẹ.

**12.** **Xã Thạnh Mỹ**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

美 Mỹ: Tốt, đẹp

盛美社 Thạnh Mỹ Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Mỹ nằm ở phía Bắc của huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Tân Hòa Đông; phía Tây giáp xã Thạnh Tân; phía Nam giáp thị trấn Mỹ Phước; phía Bắc giáp xã Thủy Đông và xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 2.832,2 ha.

**Hành chính:**

Xã có 4 ấp: Mỹ Thuận, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Thiện.

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Thạnh Mỹ hiện nay nằm giữa địa phận của tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), nơi đây là vùng căn cứ cách mạng, không có dân cư sinh sống.

Năm 1994, xã Thạnh Mỹ được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 2.459 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 53,02 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Là xã thuần nông, ngoài việc làm kinh tế hộ gia đình từ sản xuất nông nghiệp, chủ lực là cây khóm, địa phương còn chú trọng đến liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản; phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, liên kết thu mua khóm, thanh long, khoai mỡ và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp… mang lại hiệu quả.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Thạnh Mỹ, Trường tiểu học Thạnh Mỹ, Trường trung học cơ sở Thạnh Mỹ. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Được đầu tư nâng cấp và sửa chữa cầu, đường liên ấp đạt chuẩn nông thôn mới.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa xã; có 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và 4/4 trụ sở nhà văn hóa

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có một sân bóng đá, hàng năm tổ chức đá giao lưu các xã bạn trong các ngày lễ lớn trong năm.

**Tổng số liệt sĩ:** 09 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng**: Không có.

**13**. **Xã Thạnh Tân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新 Tân: Mới mẻ

盛新社 Thạnh Tân Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Tân nằm ở phía Tây Bắc của huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Thạnh Mỹ; phía Tây giáp xã Thạnh Hòa và trại giam Phước Hòa - Cục V26 Bộ công an; phía Nam giáp xã Tân Hòa Tây và thị trấn Mỹ Phước; phía Bắc giáp xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 3.303,6 ha.

**Hành chính:**

Xã có 5 ấp gồm: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5.

**Lịch sử hình thành:**

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Thạnh Tân hiện nay là vùng hoang hóa lâu đời, nằm trong vùng trũng Đồng Tháp Mười, đất đai nhiễm phèn nặng và không có người dân sinh sống.

Năm 1994, xã Thạnh Tân được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 2.441 người (2020).

**Thu thập bình quân đầu người:** 59 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã là kinh tế nông nghiệp, cây khóm là cây chủ lực với tổng diện tích khóm 2.150 ha, năng suất bình quân 23 tấn/ha. Cây ăn quả có 346ha, trong đó: Cây thanh long 125 ha, cây chanh 09 ha, cây mít 177 ha, cây mãng cầu xiêm 5 ha, cây xoài 08 ha, cây bưởi 03 ha, cây sầu riêng 05 ha, cây dừa 06 ha, cây bơ 02 ha, cây nhàu 06 ha; Chăn nuôi: gia súc là 482 con, đàn gia cầm 2.670 con; Thuỷ sản: Diện tích nuôi trồng thuỷ sản 15,4 ha, sản lượng thu hoạch 210 tấn/năm.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường: Trường mầm non Thạnh Tân, Trường tiểu học Thạnh Tân. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 89% (2020).

**Giao thông:**

Xã có 03 tuyến đường huyện đi qua gồm Đường huyện 40, 41 và 47 với chiều dài khoảng 15 km, trục đường xã có 16 km đường dal, nhựa hóa 3,5 km và hàng chục km đường trải đá xanh, giúp nhân dân đi lại và mua bán hàng hóa thuận lợi.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 05/05 nhà văn hóa ấp. Hàng năm có trên 94% số hộ đăng ký 3 tiêu chí gia đình văn hoá, qua bình xét có từ 87% trở lên số hộ được công nhận và 100% cơ quan được công nhận cơ quan văn hoá. Các tiêu chí của ấp văn hóa và con đường văn hóa được củng cố và nâng chất hàng năm; toàn xã có 5/5 ấp văn hoá, 100% ấp có trụ sở. Có 100% nhân dân có phương tiện nghe nhìn.

**Du lịch:**

Xã có 01 Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười với 106 ha, phục vụ du lịch và bảo tồn động vật hoang dã.

Thiền Viện Trúc Lâm Chánh Giác được xây dựng từ năm 2011 với 30 ha, đây là điểm du lịch tâm linh, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài xã đến tham quan, chiêm bái.

**Thể thao:**

Hoạt động thể thao được duy trì thường xuyên, tập trung vào các ngày lễ, tết,…Phối hợp tổ chức giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị bạn và tham gia các phong trào do huyện tổ chức đạt nhiều thứ hạng cao. Xã chưa có câu lạc bộ thể dục - thể thao.

**Tổng số liệt sỹ:** 19 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 01 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ,** đường cao tốc, đường tỉnh:

\* Đường cao tốc:

**1. Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh hành chính (Thành phố Hồ Chí Minh) **+** Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là đường cao tốc nối Thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đây là một phần của tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, có điểm đầu tuyến là nút giao thông Chợ Đệm, xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối là nút giao thông Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Việc đưa vào khai thác tuyến đường cao tốc này đáp ứng cho khoảng 50.000 lượt ô tô qua lại mỗi ngày. Với tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, thời gian từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Tiền Giang và ngược lại được rút ngắn chỉ còn khoảng 30 phút, thay vì 90 phút như trước đó.

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được khởi công xây dựng năm 2004, khánh thành năm 2010; có chiều dài toàn tuyến 61,9 km; vận tốc thiết kế 120 km/giờ; tổng kinh phí đầu tư 9.884 tỷ đồng; Chủ đầu tư Bộ Giao thông vận tải; đơn vị thi công: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 và Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; tư vấn giám sát là Công ty QCI (Cuba).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang xuyên qua các xã Tân Lập 1 (huyện Tân Phước), Tân Hội Đông, Tân Lý Đông, Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), dài 14 km.

**2**. **Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) **+** Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh [Tiền Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho [Quốc lộ 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_l%E1%BB%99_1). Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng [Tây Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Nam_B%E1%BB%99) với [Thành phố Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; đuợc khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân [Đồng bằng sông Cửu Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long) lưu thông vào dịp [Tết Nguyên Đán](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%BFt_Nguy%C3%AAn_%C4%90%C3%A1n). Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

**\* Đường tỉnh:**

**1. Đường tỉnh 865**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (865).

Đường tỉnh 865, có số hiệu đường bộ ĐT.865; điểm đầu: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); điểm cuối: Cầu Bằng Lăng (Giáp ranh tỉnh Đồng Tháp, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè); chiều dài: 47,06 km.

**2.** **Đường tỉnh 866**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866).

Đường tỉnh 866, có số hiệu đường bộ ĐT.866; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 9,822 km.

3. **Đường tỉnh 866B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866B).

Đường tỉnh 866B, có số hiệu đường bộ ĐT.866B; điểm đầu: ĐT.866 (Ngã ba Việt Kiều, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành); điểm cuối: Kinh Năn (xã Tân Lập, huyện Tân Phước); chiều dài: 5,340 km.

4. **Đường tỉnh 867**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867).

Đường tỉnh 867, có số hiệu đường bộ ĐT.867; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Long Định, huyện Châu Thành); điểm cuối: Cầu ngã năm Hoàng Gia (ranh tỉnh Long An - xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 23,160 km.

5. **Đường tỉnh 874**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874).

Đường tỉnh 874, có số hiệu đường bộ ĐT.874; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.867, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; chiều dài: 8,785 km.

6. **Đường tỉnh 878**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878).

Đường tỉnh 878, có số hiệu đường bộ ĐT.878; điểm đầu: Đường nhánh cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước); chiều dài: 13,480 km.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện ở huyện Tân Phước:**

**Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:**

**- Theo Điều 3,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:  Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

**- Theo Điều 40,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Huyện Tân Phước là một huyện nằm trong vùng Đồng Tháp Mười của tỉnh Tiền Giang, được thành lập theo Nghị định số 68-CP ngày **11 tháng 7 năm 1994** của Chính phủ. Huyện có 13 đơn vị hành chính cấp xã (12 xã và 01 thị trấn).

Do mới thành lập từ năm 1994 và là huyện nông nghiệp nên số lượng đường huyện, đường phố ít, nhiều tuyến đường chưa được đặt tên, đa số là tên thường gọi.

 **Đường huyện:**

**Khái niệm**

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1.** **Đường huyện 40**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (40).

Đường huyện 40 có số hiệu đường bộ ĐH.40; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 21,300 km.

**2.** **Đường huyện 41**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (41).

Đường huyện 41 có số hiệu đường bộ ĐH.41; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 21,700 km.

**3.** **Đường huyện 42**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (42).

Đường huyện 42 có số hiệu đường bộ ĐH.42; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 26,500 km.

**4.** **Đường huyện 43**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (43).

Đường huyện 43 có số hiệu đường bộ ĐH.43; điểm đầu: Kênh Năng (xã Tân Lập 2); điểm cuối: Kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành) (xã Phước Lập); chiều dài: 8,000 km.

**5.** **Đường huyện 44**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (44).

Đường huyện 44 có số hiệu đường bộ ĐH.44; điểm đầu: Kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp) (xã Hưng Thạnh); điểm cuối: Kênh 1 (xã Tân Lập 1); chiều dài: 7,500 km.

**6.** **Đường huyện 44B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (44) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 44B có số hiệu đường bộ ĐH.44B; điểm đầu: Kênh Tháp Mười số 2 (Kênh Nguyễn Văn Tiếp) (xã Phước Lập); điểm cuối: Kênh 1 (xã Phước Lập); chiều dài: 7,000 km.

**7.** **Đường huyện 45**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45).

Đường huyện 45 có số hiệu đường bộ ĐH.45; điểm đầu: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Tân Hòa Đông); chiều dài: 7,500 km.

**8.** **Đường huyện 45B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 45B có số hiệu đường bộ ĐH.45B; điểm đầu: ĐT.866 (xã Phú Mỹ); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Tân Hòa Đông); chiều dài: 7,500 km.

**9. Đường huyện 45C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 45C có số hiệu đường bộ ĐH.45C; điểm đầu: ĐT.865 (xã Mỹ Phước); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Mỹ Phước); chiều dài: 4,900 km.

**10.** **Đường huyện 46**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (46).

Đường huyện 46 có số hiệu đường bộ ĐH.46; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Tân Hòa Tây); chiều dài: 4,500 km.

**11.** **Đường huyện 47**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (47).

Đường huyện 47 có số hiệu đường bộ ĐH.47; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Thạnh Tân); chiều dài: 9,500 km.

**12.** **Đường huyện 48**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (48).

Đường huyện 48 có số hiệu đường bộ ĐH.48; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Tân Hòa Tây); chiều dài: 4,000 km.

**13.** **Đường huyện 48B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (48) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 48B có số hiệu đường bộ ĐH.48B; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 9,500 km.

**14.** **Đường huyện 49**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (49).

Đường huyện 49 có số hiệu đường bộ ĐH.49; điểm đầu: Chợ Tân Phước (thị trấn Mỹ Phước); điểm cuối: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Phước Lập); chiều dài: 1,600 km.

**15.** **Đường huyện 50**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (50).

Đường huyện 50 có số hiệu đường bộ ĐH.50; điểm đầu: ĐT.866 (xã Tân Hòa Thành); điểm cuối: Kênh Năng (xã Tân Lập 2); chiều dài: 6,200 km.

**Đường phố: 38 địa danh**

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

**1. Đường tỉnh 867 cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867) + Tính từ (Cũ).

Đường tỉnh 867 cũ có điểm đầu: đường gom dân sinh cầu Phật đá, điểm cuối: mố phía nam cầu Phật Đá cũ, chiều dài: 0,12 km, chiều rộng: 3,5m.

**2. Đường dân sinh cầu Phật Đá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Khu dân sinh cầu Phật Đá).

Sơ nét lịch sử chùa Phật Đá:

Vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, ở Bàu Bèo (sau gọi trại thành Bà Bèo) có một người đàn ông đã lớn tuổi làm nghề chăn trâu. Một hôm, như thường lệ, ông thả đàn trâu ăn trên cánh đồng hoang. Khi cho đàn trâu lội ngang qua Bàu Sọ (nằm giữa Bàu Sấu và Bàu Bèo), ông phát hiện một tượng đá nằm dưới bùn lầy.

Nhận thấy hiện tượng lạ, ông liền chạy về báo tin cho dân làng biết. Các vị bô lão và bà con trong làng vội vã chạy đến xem. Sau đó, mọi người hợp lực mang bức tượng lên và chùi rửa cẩn thận. Đó là một pho tượng Phật[[1]](#footnote-1) bằng đá, có 4 tay, đứng trên tòa sen, cao khoảng 1,40 m.

Dân làng rất đỗi vui mừng, bàn nhau rước tượng về lập chùa thờ cúng với tên gọi là chùa Phật Đá (chùa thờ tượng Phật bằng đá). Năm 1789, chùa được một viên quan đặt tên là Linh Phước tự. Hiện nay, chùa Linh Phước (chùa Phật Đá) tọa lạc tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước.

Đường dân sinh cầu Phật Đá có điểm đầu: dốc cầu Phật đá phía Nam, điểm cuối: dốc cầu Phật Đá phía Bắc, chiều dài: 0,3 km, chiều rộng: 3,5 m.

**3. Đường Tám Nghi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thứ và tên người (Tám Nghi).

Đường Tám Nghi có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Kênh Cà Dăm, chiều dài: 01 km, chiều rộng: 1,5 m.

**4. Đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía đông) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tấn Thành).

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TẤN THÀNH**

**(1922 – 1949)**

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào “Đông Dương đại hội” và các “Ủy ban Hành động” do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi “chôn nhau cắt rốn” của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Đường Đông Kênh Nguyễn Tấn Thành có điểm đầu: đường Nam Nguyễn Văn Tiếp, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 01 km, chiều rộng: 2,5 m.

**5. Đường Tây Kênh 5 Khu 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía tây) + Công trình xây dựng (Kênh 5 Khu 4).

Đường Tây Kênh 5 Khu 4 có điểm đầu: Đường ĐT.865, điểm cuối: Ranh xã Mỹ Phước cũ, chiều dài: 0,3 km, chiều rộng: 2,5 m.

**6. Đường Đông kênh Lộ Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía đông) + Công trình xây dựng (Kênh Lộ Mới).

Đường Đông kênh Lộ Mới có điểm đầu: Đường Đường tỉnh 865, điểm cuối: Trại giam Mỹ Phước, chiều dài: 1,3 km, chiều rộng: 3 m.

**7. Đường Cà Dăm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây cà dăm).

Đường Cà Dăm có điểm đầu: Đường Tám Nghi, điểm cuối: Đường huyện 49, chiều dài: 1,7 km, chiều rộng: 1,5 m.

**8. Đường Kênh 250**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kênh 250).

Đường Kênh 250 có điểm đầu: Đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 1,3 km, chiều rộng: 1,5 m

**9. Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía nam) + Công trình xây dựng (Kênh Nguyễn Văn Tiếp).

Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp có điểm đầu đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 3,5 m.

**10. Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (1)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm Văn hóa huyện) + Chữ số (1).

Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (1) có điểm đầu: Đường tỉnh 874, điểm cuối: Đường E, chiều dài: 0,4 km, chiều rộng: 9 m.

**11. Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (2)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm Văn hóa huyện) + Chữ số (2).

Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (2) có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường số 19, chiều dài: 0,4 km, chiều rộng: 20 m.

**12. Đường A**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (A).

Đường A có điểm đầu: Đường C, điểm cuối: Đường Tám Nghi, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 4,5 m.

**13. Đường B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (B).

Đường B có điểm đầu: Đường số 19, điểm cuối: Đường Tám Nghi, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 2,5 m.

**14.** **Đường C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (C).

Đường C có điểm đầu: Đường vào Trung tâm văn hóa, điểm cuối: Đường số 3, chiều dài: 0,085 km, chiều rộng: 5,5 m.

**15. Đường D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (D).

Đường D có điểm đầu; Đường số 3, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,174 km, chiều rộng: 5,5 m.

**16. Đường E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (E).

Đường E có điểm đầu: Đầu đường Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 1,2 km, chiều rộng: 9 m.

**17. Đường F**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (F).

Đường F có điểm đầu: Đường số 2, điểm cuối: Đường số 7, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

**18. Đường G**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (G).

Đường G có điểm đầu: Đường số 2, điểm cuối: Đường số 7, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

**19. Đường H**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (H).

Đường H có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,6 km, chiều rộng: 9 m.

**20. Đường I**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (I).

Đường I có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 11, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

**21. Đường J**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (J).

Đường J có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,223 km, chiều rộng: 5,5 m.

**22. Đường K**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (K).

Đường K có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 11, chiều dài: 0,170 km, chiều rộng: 5,5 m.

**23. Đường L**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (L).

Đường L có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 10, chiều dài: 0,084 km, chiều rộng: 5,5 m.

**24. Đường M**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (M).

Đường M có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,232 km, chiều rộng: 5,5 m.

**25. Đường số 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (2).

Đường số 2 có điểm đầu: Đường C, điểm cuối: Đường H, chiều dài: 0,350 km, chiều rộng: 5,5 m.

**26. Đường số 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (3).

Đường số 3 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường C, chiều dài: 0,127 km, chiều rộng: 5,5 m.

**27. Đường số 5**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (5).

Đường số 5 có điểm đầu: Đường D, điểm cuối: Đường tỉnh 874, chiều dài: 0,86 km, chiều rộng: 5,5 m.

**28. Đường số 6**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (6).

Đường số 6 có điểm đầu: đường D, điểm cuối; Đất hộ dân, chiều dài: 0,093 km, chiều rộng: 5,5 m.

**29. Đường số 7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (7).

Đường số 7 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường H, chiều dài: 0,163 km, chiều rộng: 5,5 m.

**30. Đường số 8**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (8).

Đường số 8 có điểm đầu: Đường H, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,250 km, chiều rộng: 5,5 m.

**31. Đường số 10**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (10).

Đường số 10 có điểm đầu: Đường I, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,184 km, chiều rộng: 5,5 m.

**32. Đường số 11**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (11).

Đường số 11 có điểm đầu: Đường H, điểm cuối: Đường J, chiều dài: 0,232 km, chiều rộng: 5,5 m.

**33. Đường số 15**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (15).

Đường số 15 có điểm đầu: Đường tỉnh 874, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,8km, chiều rộng: 7 m.

**34. Đường số 16**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (16).

Đường số 16 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

**35. Đường số 17**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (17).

Đường số 17 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

**36. Đường số 18**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (18).

Đường số 18 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

**37. Đường số 19**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (19).

Đường số 19 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

**38. Đường số 20**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (20).

Đường số 20 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường số 19, chiều dài: 0,300 km, chiều rộng: 5,5 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Tân Phước:.**

**Khái niệm**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 865:**

**1. Cầu Chín Hấn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bí danh của nhân vật lịch sử (Chín Hấn).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Chín Hấn là bí danh của ông Đỗ Văn Hấn, sinh năm 1938 tại làng Hưng Thạnh, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1959, ông gia nhập vào lực lượng du kích xã Hưng Thạnh. Năm 1960, ông là Xã đội trưởng xã Hưng Thạnh. Năm 1961, ông được vinh dự kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 7-1962, ông vào bộ đội, sau đó, giữ chức vụ trung đội trưởng trung đội địa phương quân huyện Châu Thành. Tháng 7-1963, ông được đề bạt làm đại đội trưởng đại đội địa phương quân huyện. Trong năm này, địch tổ chức cuộc càn quét cấp tiểu đoàn, sử dụng bọn “cọp rằn núi” của Sư đoàn 7 phối hợp với máy bay, tàu chiến bao vây khu vực Đồng Tháp Mười thuộc huyện Châu Thành, hòng tiêu diệt căn cứ địa cách mạng. Trước tình hình đó, ông đã linh hoạt, mưu trí chỉ huy đại đội huyện tổ chức phục kích, đánh giáp lá cà với địch. Ngay trong trận đầu tiên đã có hàng trăm tên địch bị tiêu diệt tại trận. Tuy bị thương trong lúc chiến đấu, nhưng ông vẫn bình tĩnh và mưu trí chỉ huy đơn vị đánh địch, loại khỏi vòng chiến hơn 200 tên địch. Một mình ông sử dụng khẩu trung liên tiêu diệt nhiều tên địch, thu 34 súng các loại và 50 quả lựu đạn. Đại đội địa phương quân huyện Châu Thành, dưới sự chỉ huy của ông, đã bẻ gãy hoàn toàn đợt càn quét của địch, giữ vững căn cứ địa cách mạng.

Năm 1967, ông là Huyện đội phó Huyện đội Châu Thành. Tháng 6-1968, ông đảm nhận chức vụ Huyện đội trưởng Huyện đội Châu Thành Bắc. Năm 1971, ông chỉ huy một tiểu đội cải trang đột nhập đồn Tân Lý Tây bắt 14 tên (có 1 đồn phó), thu 5 súng và 30 quả lựu đạn. Năm 1972, ông chỉ huy bộ đội huyện tiến công đồn Phú Mỹ. Trong trận này, ông đã dũng cảm ôm bộc phá leo lên lầu ném vào đồn địch diệt 22 tên, làm bị thương 8 tên khác, thu 15 súng các loại. Bọn địch vẫn ngoan cố chống trả và được các đồn lân cận chi viện nên tổ chức phản kích quyết liệt. Ông tiếp tục leo lên nóc lầu cạnh đồn ném lựu đạn vào sở chỉ huy của địch diệt thêm 10 tên. Sang ngày thứ hai của cuộc chiến đấu, ông đã anh dũng hy sinh trong tư thế lẫm liệt của người chiến sĩ cách mạng, để lại trong lòng cán bộ chiến sĩ và nhân dân huyện Châu Thành sự tiếc thương vô hạn.

Bên cạnh công tác chỉ huy chiến đấu, ông đã vận động quần chúng phá thế kềm kẹp của địch, giải phóng và giữ vững căn cứ Hưng Thạnh, vốn là căn cứ địa cách mạng mà Tỉnh ủy và Tỉnh đội Mỹ Tho đóng trong suốt thời gian dài để lãnh đạo và chỉ đạo phong trào cách mạng của toàn tỉnh

Trong quá trình chiến đấu, trên cương vị chỉ huy, ông đã dũng cảm, kiên cường, mưu trí, sáng tạo chỉ huy đơn vị đánh địch liên tục, đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch, diệt 3 máy bay trực thăng, thu 117 súng các loại, 80 quả lựu đạn cùng nhiều đạn dược và quân trang quân dụng khác. Riêng ông đã tiêu diệt 139 tên, bắt 14 tên (có 1 phó đồn), bắn bị thương 8 tên khác, thu 57 súng các loại, 80 quả lựu đạn.

Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; danh hiệu “Chiến sĩ Ấp Bắc” và 6 bằng khen.

Ngày 5-2-2007, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Bí danh của ông - Chín Hấn - được đặt tên kinh/kênh, tên cầu ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 7+272, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh Chín Hấn

- Quy mô: 3 nhịp dài 44,2m (2x12,5+18,6); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL 11 dầm/nhịp;; Htt: +4.80

- Tải trọng (Tấn): HL93[[2]](#footnote-2)

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

**2. Cầu Cống Bọng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Tính từ (Bọng: rỗng bên trong).

- Vị trí: Km 4+953, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cống Bọng

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**3. Cầu Ông Chú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Chú).

- Vị trí: Km 8+584, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ông Chú

- Quy mô: 3 nhịp dài 44,2m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +5.40

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**4. Cầu Rạch Đình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang tính chất tín ngưỡng dân gian (Đình).

- Vị trí: Km 10+319, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Đình

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,1m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**5. Cầu Xáng Cụt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Cụt).

- Vị trí: Km 6+108, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xáng Cụt

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**6. Cầu Rạch Đào**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây đào lộn hột).

- Vị trí: Km 12+938, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 38 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 8/2014

**7. Cầu Kinh/Kênh 10**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (10).

- Vị trí: Km 17+714, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 10.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**8. Cầu Kinh/Kênh 13**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (13).

- Vị trí: Km 16+956, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 13.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m (2x12,5+18,6); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**9. Cầu Kinh/Kênh 17**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (17).

- Vị trí: Km 15+922, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 17.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**10. Cầu Kinh/Kênh Lộ Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Lộ: Đường) + Tính từ (Lộ Mới)

- Vị trí: Km18+509, thị trấn Mỹ Phước Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Lộ Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 50,34m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTDƯL (nhịp biên chữ T; nhịp giửa chữ I); Htt: +5.47

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

**11. Cầu Chợ Phú Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) +Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

- Vị trí: Km 1+200, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cũ còn gọi Sông Cũ.

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 12dầm/nhịp; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

**12. Cầu Rạch Chợ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên + Công trình xây dựng (Chợ).

- Vị trí: Km 1+904, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**13. Cầu Tràm Sập**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Tràm) + Động từ (Sập).

- Vị trí: Km 2+929, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Tràm Sập

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**14. Cầu Bà Rãnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Rãnh).

- Vị trí: Km 20+877, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Rãnh

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA chữ T; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**15. Cầu Kinh/Kênh Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 22+077, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 43m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**16. Cầu Kinh/Kênh Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương hướng (Phía Tây).

- Vị trí: Km 23+578, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tây.

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA chữ T; Htt: +5.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**Trên Đường tỉnh 866:**

**1. Cầu Lớn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Lớn).

### - Vị trí: Km 7+763, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT; khổ cầu 10m (0,5x2+9m); dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; Htt:+2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

**2. Cầu Phú Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

### - Vị trí: Km 9+677, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Kinh Nguyễn Văn Tiếp

- Quy mô: 7 nhịp dài 157m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; Dầm BTTA; Htt: +7.14

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003.

**Trên Đường tỉnh 866B:**

### 1. Cầu Kinh/Kênh Năn (Bên phải)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn) + Vị trí (Bên phải).

### - Vị trí: Km 5+340, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Năn

- Quy mô: Dàn thép 3 nhịp dài 48m; mặt thép tấm rộng 4m; Htt: +3.20

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2018.

**2. Cầu Kênh Năng (Bên trái)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn) + Vị trí (Bên trái).

- Vị trí: Km 5+340, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Năn

- Quy mô: 3 nhịp dài 36m; mặt gỗ 3,3m; 5 dầm I.450 x 3; Htt: +3.20

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1983.

**Trên Đường tỉnh 867:**

**1. Cầu Kinh/Kênh 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (2).

### - Vị trí: Km 5+156, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 2

- Quy mô: 5 nhịp dài 69m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m (1,5+7+1,5); 9 dầm BTTAx5; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1994.

**2. Cầu Chùa Phật Đá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa) + Tên chùa (Phật Đá: Vào khoảng cuối thế kỷ 18, người dân phát hiện tại đây một pho tượng Phật bằng đá có bốn tay, hai tay trên cầm mặt nhật, mặt nguyệt; hai tay dưới cầm trái châu và tích tượng, đứng trên tòa sen cao khoảng 1,40m. Thực ra đó là vị thần Vixnu (thần Bảo tồn) của đạo Hin đu - Ấn giáo. Từ đó, chủa có tên là chùa Phật Đá).

### - Vị trí: Km 11+445, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

- Quy mô: 5 nhịp dài 201m; mặt BTCT rộng 9,5m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDUL loại Supper T 5 dầm/nhịp; khẩu độ thông thuyền 30x6

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**3. Cầu Kinh/Kênh 500**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (500).

- Vị trí: Km 12+956, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 500

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,14m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; 5 dầm BTTA- I; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): H30

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

**4. Cầu Trương Văn Sanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Trương Văn Sanh).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy.

Lúc bấy giờ, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch ”tố cộng”, ”diệt cộng”, đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông theo lối hành hình thời trung cổ bằng cách mổ bụng moi gan mang về trình lên tên quận trưởng Cai Lậy để lãnh thưởng.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây; tên trường tiểu học, tên đường tại thị xã Cai Lậy; tên một đoạn kênh thuộc kênh Hai Hạt và tên cầu thuộc huyện Tân Phước hiện nay.

- Vị trí: Km 17+123, xã Mỹ Phước – xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Trương Văn Sanh

- Quy mô: 3 nhịp dài 50m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +5.67

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

**5. Cầu Tràm Mù**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: trong ngữ cảnh này, là mù mịt). Tràm Mù là nơi cây tràm mọc mù mịt như rừng.

### - Vị trí: Km 19+985, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tràm Mù

- Quy mô: 1 nhịp dài 33m;mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

**6. Cầu Ngã 5**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vị trí (Ngã 5)

### - Vị trí: Km 22+900, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bắc Đông

- Quy mô: 4 nhịp dài 80,75m (4x20); mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTDUL; Htt: +5.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013.

**Trên Đường tỉnh 874:**

**1. Cầu Nguyễn Văn Đừng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Đừng)

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Đừng sinh năm 1938 tại làng Phong Mỹ, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) trong một gia đình nông dân.

Năm 1959, ông gia nhập bộ đội địa phương rồi chủ lực khu. Trong chiến đấu, ông luôn nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, dũng cảm, mưu trí và sáng tạo, chấp hành triệt để mệnh lệnh của cấp trên, khi tiến công thì mãnh liệt, chớp nhoáng, khi phòng ngự thì gan góc, kiên cường. Do có thành tích trong chiến đấu, ông được đề bạt làm Tiểu đội trưởng tiểu đội 4, đại đội 1, tiểu đoàn 261 chủ lực Quân khu 8 (khu Trung Nam Bộ). Tiểu đội 4 do ông chỉ huy là một tiểu đội mạnh, được cấp trên tin tưởng, thường giao cho những nhiệm vụ quan trọng trong tác chiến.

Trong đội hình đại đội 1, ông tham gia đánh hàng chục trận trên chiến trường Khu 8 và lập được những chiến công oanh liệt. Giữa năm 1962, ông và đơn vị đánh phục kích 1 tiểu đoàn của địch ở Thủ Thừa (Long An). Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, ông đợi địch đến thật gần mới ra lệnh cho toàn tiểu đội bất ngờ nổ súng tiến công, khiến cho một số tên bị tiêu diệt và hàng ngũ của bọn chúng bị rối loạn. Nhưng sau đó, do có quân đông và được phi pháo yểm trợ tối đa, địch điên cuồng chống trả quyết liệt. Tình hình chiến sự diễn ra rất căng thẳng. Trước tình huống đó, nhận được lệnh của chỉ huy, ông đã dũng cảm và bí mật dùi sâu vào giữa đội hình của địch, dùng súng trung liên bắn chế áp, tạo điều kiện tốt nhất cho toàn đơn vị xung phong, tiêu diệt tiểu đoàn địch.

Cuối năm 1962, ông cùng với đơn vị đánh phục kích địch ở Gò Công. Tình huống diễn ra không như dự kiến của ta. Chỉ có đoạn cuối trong đội hình hành quân của địch là lọt vào trận địa mai phục. Vì thế, bọn đi đầu quay lại tấn công ta rất ác liệt. Với quyết tâm tiêu diệt địch, được lệnh của đại đội trưởng, ông chỉ huy tiểu đội vận động lên đánh vào sườn trái của địch. Bản thân ông dùng súng trung liên dũng cảm lao lên phía trước và đột kích mạnh mẽ vào tung thâm của địch, buộc bọn chúng phải lùi dần vào trận địa đã bày sẵn của ta. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị nổ súng tiêu diệt gần như hoàn toàn quân địch.

Ngày 2-1-1963, ông tham gia đánh trận Ấp Bắc lịch sử. Tiểu đội do ông chỉ huy được bố trí ở hướng phòng ngự chính yếu. Với chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận”, từ 5 giờ 30 phút sáng, địch mở cuộc càn quét có quy mô lớn vào Ấp Bắc (xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) nhằm tiêu diệt lực lượng võ trang của ta đang đóng quân ở tại đây. Địch tấn công bộ đội ta bằng thủ đoạn máy bay ném bom và pháo binh bắn dọn bãi, xe thiết giáp M.113 đột kích ở phía trước mặt, máy bay trực thăng đổ quân ở phía sau lưng hòng đẩy quân ta vào giữa hai gọng kềm để tiêu diệt. Thế nhưng, mọi tính toán đen tối của địch đều bị thất bại thảm hại. Tiểu đội 4 do ông chỉ huy đã kiên cường đánh bật các đợt xung phong vô cùng ác liệt của quân địch, bắn cháy 1 xe M.113, tiêu diệt nhiều lính địch, giữ vững trận địa của ta. Đến 14 giờ 30 phút, địch lại mở một đợt tấn công mới. Lần này, địch cho máy bay ném bom và bắn pháo rất dữ dội, rồi cho 4 chiếc M.113 đồng loạt xông lên, dùng trọng liên bắn xối xả về phía trận địa của ta như muốn nghiền nát các chiến sĩ của tiểu đội 4. Trước nguy cơ trận địa có thể bị địch đánh xuyên thủng, ông đã bình tỉnh chỉ huy và động viên các chiến sĩ trong tiểu đội phải kiên quyết bám trụ và giữ vững trận địa, chiến đấu đến cùng. Bản thân ông đã dũng cảm dùng thủ pháo đánh giáp chiến với xe bọc thép địch. Kết cuộc, ông và tiểu đội 4 đã đẩy lùi địch, tiêu diệt 2 xe M.113, bắn bị thương 1 chiếc khác, chiếc còn lại rút chạy. Thông qua đó, đã bảo vệ vững chắc trận địa; góp phần làm nên chiến thắng Ấp Bắc vang dội. Tiểu đội 4 được nhân dân nể phục, gọi là “tiểu đội gang thép”. Tuy nhiên, ông cùng với một số đồng đội khác đã anh dũng hy sinh ngay tại chiến hào.

Trong quá trình chiến đấu, ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất và là Chiến sĩ thi đua của Quân khu 8. Ngày 5-5-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên cầu ở xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 5+605, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bàu Sấu

- Quy mô: 3 nhịp dài 36m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 9 dầm I.596; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

**2. Cầu Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thưở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông, tên cầu ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 7+259, xã Phước Lập - thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Kỳ

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 9 dầm I.596; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

**Trên Đường tỉnh 878:**

**Cầu Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

- Vị trí: Km 13+268, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 878

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp.

- Quy mô: 9 nhịp dài 359m; mặt BTCT rộng 15m; khổ cầu 16m; dầm BTDƯL; CĐdc: +8.69

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:**

**1. Cầu Kinh/Kênh 2A**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số và chữ cái la tinh (2A).

- Vị trí: km56+693

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 42,64 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**2. Cầu Kinh/Kênh Xáng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do từ Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: km57+981

- Số nhịp: 11

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 448,30 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống vừa và nhỏ:**

**1. Cống Bà Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Nghĩa).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 256 ha.

**2. Cống Cầu Quán**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Nhà bán hàng (Quán).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1985; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,6 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 315 ha.

**3.** **Cống Quản Thọ 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: hương chức trông coi an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**4.** **Cống Quản Thọ 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: hương chức trông coi an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 370 ha.

**5. Cống Rạch Gốc (Xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc: Có ba cách giải thích địa danh Rạch Gốc: 1. Xuất xứ từ tiếng Khmer: Prêk Kol, gọi trại thành Rạch Gốc; 2. Rạch Gốc là một con rạch chính (gốc);  3. Rạch Gốc là rạch chảy qua nơi có nhiều gốc cây).

Cống ở xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1983; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 45 m, sâu 2,8 m, diện tích phục vụ 256 ha.

**6.** **Cống Rạch Gốc (Xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) +Danh từ (Gốc).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 550 ha.

**7. Cống Tượng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động vật (Tượng: Con voi).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 35 ha.

**Bến đò:**

**Khái niệm**

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

**1. Bến đò Cống Dứa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Dứa).

 Bến đò Cống Dứa bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến đò Kinh/Kênh Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương hướng (Tây).

Bến đò Kinh/Kênh Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến đò Rạch Đào**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây đào).

Bến đò Rạch Đào bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước với xã Phước Lập, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**4. Bến đò Tân Hòa Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Tây).

Bến đò Tân Hòa Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước với xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Tân Phước**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phước).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Tân Phước

+ Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

+ Số điện thoại: 0273.3.848026

+ Trang thông tin điện tử: <http://ttyttanphuoc.soytetiengiang.gov.vn>

+ Email: ttyttanphuoc@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 23.663,7 m2; diện tích sử dụng: 20.000 m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 178 người.

Trung tâm Y tế huyện Tân Phước được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang; có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

+ Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

Đảng bộ Trung tâm có 3 chi bộ trực thuộc với 37 đảng viên. Lãnh đạo đơn vị gồm 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc. Công đoàn cơ sở có 178 công đoàn viên. Chi đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Dân số; 06 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Phụ sản, Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Dược, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh; 01 phòng khám: Phòng khám đa khoa Phú Mỹ; 13 trạm y tế thị trấn và xã: thị trấn Mỹ Phước; các xã Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Phước Lập, Tân Hòa Tây, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, Thạnh Mỹ, Tân Hòa Đông. Bệnh viện thuộc Trung tâm xếp hạng 3, có 70 giường.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 02; Bác sĩ chuyên khoa 1: 20, Dược sĩ chuyên khoa 1: 01; Bác sĩ đa khoa: 18; Dược sĩ: 07; Cử nhân điều dưỡng: 13; Đại học khác: 13.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Công viên 27 tháng 8**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Sự kiện lịch sử (Ngày thành lập huyện Tân Phước  27/8/1994).

Công viên được khánh thành năm 2019 nhân kỷ niệm 25 năm thành lập huyện Tân Phước (27/8/1994 - 27/8/2019), diện tích 18.500 m², tọa lạc tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, hệ thực vật gồm có: cây thân gỗ (bằng lăng, sao, dầu, lộc vừng,…); cây tạo dáng (cau kiểng, hoa giấy,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro, nhà vệ sinh,…

**\* Bia căm thù**:

Bia căm thù là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, trên bia ghi lại ngày tháng năm, địa điểm, số người bị giết hại trong các cuộc càn quét, tàn sát của kẻ địch đối với nhân dân ta.

**Bia căm thù “**T**hực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ**”

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia) + Tính từ (Căm thù) + Sự kiện lịch sử (thực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ).

Sự kiện lịch sử:

Làng Phú Mỹ nằm ở vùng ven của Đồng Tháp Mười, được lập khá sớm (vào cuối thế kỷ XVIII). Ngày xưa, làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Thời Minh Mạng, làng thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Trong làng có chợ Thầy Yến, mang tên một thầy thuốc Bắc, tên Yến, đã có công lập chợ. Ngày nay, làng Phú Mỹ là xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Từ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta (năm 1945), chúng bắt đầu thực hiện việc bình định, lập đồn bót khắp nơi, kể cả những vùng hẻo lánh. Chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của chúng bị thất bại. Từ năm 1947, thực dân Pháp quay về bình định vùng chiếm đóng, tuyển mộ thêm ngụy quân, củng cố hệ thống đồn bót và ra sức khủng bố những người yêu nước.

Tại xã Phú Mỹ, bọn phản động đội lốt tôn giáo (trong phái Cao Đài Tây Ninh), được sự trợ giúp của thực dân Pháp, đã trắng trợn gom dân lập căn cứ chống phá cách mạng. Thực dân Pháp cho lập đồn tại bến đò để kiểm soát ghe thuyền ra vào Đồng Tháp Mười - vùng căn cứ cách mạng của tỉnh Mỹ Tho. Đồn này do một tên sĩ quan ác ôn người Pháp chỉ huy, dưới hắn còn có nhiều tên giết người không gớm tay. Ngoài số lính Pháp và lính ngụy, chúng còn bổ sung thêm một đội lính Âu - Phi, có lúc quân số trong đồn lên đến 1 đại đội. Không những thế, thực dân Pháp còn cho bọn phản động đội lốt tôn giáo lập quân đội riêng và cho những người theo chúng làm tay sai mặc sức giết hại đồng bào yêu nước. Nhân dân ở đây luôn sống trong nỗi lo sợ, kinh hoàng. Cán bộ ta hoạt động trong vùng này gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm.

Chúng đã dùng búa chặt đầu những đồng chí, những người dân mà chúng tình nghi có quan hệ kháng chiến hoặc không chịu vào lính Cao Đài. Tại bến đò và ngã ba gần bến đò chúng dựng các giàn cây để treo thịt người mà chúng đã giết, có trường hợp chúng đeo đá vào cổ người dân rồi xô xuống kinh gọi là đi “mò tôm”.

Đồng bào ở đây đã chứng kiến những tội ác cực kỳ man rợ của giặc Pháp, nổi cộm nhất là tên chỉ huy đồn Phú Mỹ Taillet. Tên này có biệt danh là “Tây Búa”, do trong người lúc nào cũng có lận 1 cây búa làm biểu tượng thị uy và công cụ giết người. Những năm 1947 - 1949, chúng gây tội ác nhiều nhất, hàng chục cán bộ và đồng bào bị chúng đập đầu, mổ bụng,… Những hình ảnh về “quầy bán thịt người” tại bến đò Phú Mỹ được nhà quay phim Khương Mễ và đồng nghiệp của ông chụp lại khá nhiều. Đáng tiếc nay chỉ còn 1 bức ảnh đã được đăng báo là còn lưu giữ. Dù chỉ là 1 bức ảnh nhưng nó là bằng chứng xác thực để tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và bọn phản động đội lốt tôn giáo trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh tại vùng Phú Mỹ trong những năm 1947 -1949.

Để trả thù cho đồng bào, đồng chí bị địch giết hại một cách dã man, một số đồng chí công an được cử đến đây để trừ gian diệt ác. Các đồng chí đã giết được một số tên, trong đó đồng chí nữ công an Đặng Thị Mành đã cải trang thành dân thường, có lúc thành một người thiến heo, tay xách túi bàng, miệng thổi ống sáo, la cà khắp thôn xóm, chợ búa, đến cả gần bót giặc; có lúc cải trang thành nhà sư, mặc áo cà sa, đầu cạo nhẵn. Năm 1948, tại chợ Phú Mỹ, đồng chí đã bắn chết tên “Tây Búa” rồi trà trộn trong đám đông chạy thoát. Trong 2 năm 1948 - 1949, Huyện ủy Châu Thành cử nhiều cán bộ đến Phú Mỹ làm công tác Cao Đài vận. Nhờ đó, tình hình vùng này dần trở lại ổn định, đồng bào yên tâm trở về tăng gia sản xuất và ủng hộ kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Năm 1994, tại nơi thực dân Pháp đóng đồn ở bến đò Phú Mỹ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đã cho xây dựng Bia căm thù với 2 mảng phù điêu mô tả sự giết người man rợ của bọn thực dân Pháp và bọn phản động đội lốt tôn giáo đối với đồng bào, đồng chí xã Phú Mỹ và vùng lân cận. Bia căm thù thực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, cao 6 m và phù điêu dài 24 m, nặng 20 tấn, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép.

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Bến đò Phú Mỹ. Di tích này được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 921/QĐ-BT ngày 20/7/1994.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[3]](#footnote-3).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[4]](#footnote-4).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[5]](#footnote-5).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[6]](#footnote-6).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[7]](#footnote-7).

**Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[8]](#footnote-8):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1  | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng- Chợ hôm- Chợ chiều- Chợ đêm- Chợ phiên |
| 2  | Theo lịch sử  | - Chợ truyền thống- Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3  | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê- Chợ ven đô- Chợ đô thị- Chợ đồng bằng- Chợ miền núi |
| 4  | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng- Chợ xã (liên làng)- Chợ huyện (liên xã)- Chợ thị trấn- Chợ thị xã |
| 5  | Theo tình chất, quy mô traođổi hàng hóa | - Chợ đầu mối- Chợ bán lẻ- Chợ chuyên doanh- Chợ tổng hợp |
| 6  | Theo loại hình hàng hóa bánchủ yếu tại chợ | - Chợ vải- Chợ trâu- Chợ trái cây- Chợ hải sản |
| 7  | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố- Chợ bán kiên cố- Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[9]](#footnote-9):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[10]](#footnote-10):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[11]](#footnote-11):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Tân Phước:**

**1. Chợ Bắc Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bắc: 北: Phía bắc; Đông: 東: Phía đông).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, diện tích 1.250 m², có 42 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có khóm tươi,…

**2. Chợ Phú Mỹ (Chợ Thầy Yến)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Mỹ).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tên người (Theo dân gian, ông Cai tổng Nguyễn Tấn Yến lập chợ, nên gọi là chợ Thầy Yến).

Chợ loại 2, ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, diện tích 2.504 m², có 441 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa, chiếu, đệm bàng, giỏ bàng,…

**3. Chợ Cổ Chi (Chợ Tân Hòa Thành)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Cổ Chi, có nơi đọc trại thành Củ Chi, là tên gọi dân gian đối với cây mã tiền.Cổ Chi là vùng đất có nhiều cây cổ chi/cây mã tiền).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hòa Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, diện tích 1.000 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa, bàng buông,…

**4. Chợ Tân Lập 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lập 1).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, diện tích 1.000 m², có 26 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, đặc sản có khoai mỡ,…

**5. Chợ Tân Phước (Chợ Bà Bèo)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (huyện Tân Phước).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: dân gian gọi trại thành Bà, là **nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm.**) + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước). Chợ Bàu Bèo gọi trại thành chợ Bà Bèo.

Chợ loại 2, ở thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, diện tích 28.000 m², có 355 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có kẹo khóm và rau choại,…

**6. Chợ Thạnh Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Tân).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, diện tích 2.200 m², có 44 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, đặc sản có khóm tươi, khoai mỡ,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

**Khu công nghiệp:**

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

 **Khu công nghiệp Long Giang**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh Hán Việt (Long: 龍: Rồng; Giang: 江: Sông).

\* Khái quát Khu công nghiệp Long Giang:

Khu công nghiệp Long Giang  được thành lập vào tháng 11 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 532043000007 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang cấp ngày 26/11/2007, với thời hạn dự án là 50 năm.

- Địa chỉ: xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Số điện thoại: 073 3 849 888.

- Số Fax: 073 3 642 722.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

- Tổng vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư: 100 triệu USD.

- Vốn điều lệ: 20 triệu USD.

- Diện tích: 540 ha.

Khu công nghiệp Long Giang nằm sát cạnh đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, sân bay Tân Sơn Nhất, cảng Sài Gòn, cảng Hiệp Phước khoảng 50 km, cách cảng Bourbon khoảng 35 km và cách trung tâm thành phố Mỹ Tho khoảng 15 km.

Về đường bộ, từ Khu công nghiệp Long Giang  đến Thành phố Hồ Chí Minh có thể đi bằng Quốc lộ 1 và đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương

Về đường thủy,  Khu công nghiệp Long Giang có bến thủy, sà lan khoảng 500 - 600 tấn vận chuyển hàng hóa đi từ LJIP đến Cảng Mỹ Tho và Cảng Hiệp Phước.

Khu công nghiệp Long Giang  **có cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng hiện đại:**

- Nguồn điện theo tiêu chuẩn TCVN 1985  - 1994.

- Nguồn nước theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT với công suất 48.000m3/ngày.

- 4.000 đường dây điện thoại IDD và ADSL.

- Nhà máy xử lý nước thải với công suất hoạt động 40.000m3/ngày.

- Hệ thống đường nội bộ trải nhựa đạt tiêu chuẩn VNH18-H30.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu:

**-** Các ngành điện, điện tử, điện lạnh, lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông; Các ngành cơ khí, lắp ráp.

**-** Các ngành sản xuất gỗ, thủ công mỹ nghệ cao cấp; Các ngành sản xuất thiết bị, hàng gia dụng: Dệt may, hàng trang sức may mặc; Sản xuất các sản phẩm về da (không có thuộc da); sản xuất vỏ hộp, bao bì, nhựa bao bì; Sản xuất vật dụng văn phòng, văn phòng phẩm.

**-** Các ngành sản xuất dược phẩm, hóa chất mỹ phẩm, dụng cụ quang học, thiết bị y tế; Các ngành chế biến nông, sản, thực phẩm, đồ uống, giải khát; Chế biến thủy - hải sản;

**-** Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, gốm sứ, thủy tinh, pha lê; Các ngành công nghiệp giấy (không sản xuất bột giấy); Sản xuất giấy bìa Carton, bìa gợn sóng, sản xuất giấy vệ sinh, sản xuất giấy bao bì, giấy báo, tạp chí.

 Đến năm 2022, có 42 công ty đang hoạt động tại Khu công nghiệp Long Giang.

**Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

**Kho Mỹ Phước**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Thị trấn Mỹ Phước).

\* Khái quát Kho Mỹ Phước:

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Diện tích: 26.671 m2

- Tổng diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 2.342 m2

- Tổng tích lượng qui ra gạo: 4000 tấn

**- Hoạt động chính:** Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

**- Máy móc thiết bị:**

+ 01 dây chuyền xay xát đạt năng xuất 5 tấn/giờ.

+ 04 dây chuyền xát và lau bóng gạođạt năng suất 32 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền đấu trộn gạo trắng với năng suất 120 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo nguyên liệu với sức chứa 280 tấn.

+ 02 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 650 tấn.

+ 03 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 70 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 580 m.

+ 03 máy tách màu điện tử với tổng năng suất 12 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 20 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 80.000 tấn/năm

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tiếp).

Địa chỉ: 0209 ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang**.**

Số điện thoại: 02733 849 141

Trang thông tin điện tử:

Email: c3nguyenvantiep.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1983, Phân hiệu Tân Hòa Thành thuộc Trường Phổ thông trung học Tân Hiệp được thành lập. Năm 1985, trên cơ sở Phân hiệu, Trường Phổ thông trung học Tân Hòa Thành được thành lập. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 2-3 Nguyễn Văn Tiếp theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN TIẾP**

**(1900 – 1947)**

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thưở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 12 ; nữ: 07; Chi ủy: 05 ; nam: 04 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 22 ; nữ: 25. Đoàn Thanh niên: 486 đoàn viên; nam: 188 ; nữ: 298.

 Tổng số viên chức: 47; nam: 22; nữ: 25.

Tổng số giáo viên: 43; nam: 20; nữ: 23. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (Đại học): 39; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trình độ khác: 02

Tổng số học sinh: 911 ; trong đó nam: 382; nữ: 529

Tổng diện tích: 12.837,77 m2; diện tích sử dụng: 1.672 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 2 tầng lầu; Phòng làm việc: 08; Phòng học: 21; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu; Các loại hình khác: 01 phòng thiết bị, 01 phòng Giáo dục quốc phòng, 02 phòng kho, căn tin, nhà xe.

**2. Trường Trung học phổ thông Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:.073. 3848280

Trang thông tin điện tử: thpttanphuoc.tiengiang.edu.vn

Email: C3tanphuoc.tiengiang@moet.edu.vn.

Trường Trung học phổ thông Tân Phước được thành lập theo Quyết định số 2437/QĐUB ngày 17 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Huyện Tân Phước.

 Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam 10; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam 01; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 26. Đoàn Thanh niên: 875; nam: 426; nữ: 449.

Tổng số viên chức: 47; nam: 21; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 39; nam: 18; nữ: 21. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (đại học): 35; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 904; nam: 422; nữ: 482.

Tổng diện tích: 29.485, 6 m2; diện tích sử dung: 25.919,75m2.

Trường có 01 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 10; Phòng học: 14; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 02; Sân chơi: 01 (3.000 m2); Khu thể thao (hồ bơi): 424,93m2; Nhà vệ sinh: 02 khu: 106 m 2 (Khu dành cho học sinh: 82 m2; Khu dành cho giáo viên: 24 m2); căn tin; nhà xe.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Hưng Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 646 435

Trang thông tin điện tử: http://thcshungthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2hungthanhtp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2000, trường được thành lập theo Quyết định số 486/2000/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hưng Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 04; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 379 đội viên; nam: 177; nữ: 202

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 13; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 26; nam: 10; nữ: 16. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học); 17; Cử nhân (Cao đăng): 08.

Tổng số học sinh: 379; nam: 177; nữ: 202.

Tổng diện tích 6.545m2; diện tích sử dụng 4.500m2.

Gồm 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Mỹ Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phước).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733848787

Trang thông tin điện tử: http://thcsttmyphuoc.pgdtanphuoc.edu.vn

Email: c2ttmyphuoctp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 2120/QĐ.UBND ngày 03/10/2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Mỹ Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 16; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 62 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 00; nữ: 04. Đội thiếu niên: 1.223 đội viên; nam: 628; nữ: 595.

Tổng số cán bộ, viên chức: 62; nam: 24; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 54; nam: 18; nữ: 36. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 20; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.223; nam: 628; nữ: 595.

Tổng diện tích: 8.756.3 m2; diện tích sử dụng: 8.756.3 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 14; phòng truyền thống: 01; thư viện: 01; 02 phòng tin học: 02; hội trường: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 04.

**3. Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Phú Nhuận, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.849.049

Trang thông tin điện tử: http://thcsphumy.pgdtanphuoc.edu.vn

Email:c2phumytp.tiengiang@moet.edu.vn

Tháng 9/1975, Trường cấp I và cấp II Phú Mỹ được thành lập. Năm 1979, trường có tên là Trường Phổ thông cơ sở Phú Mỹ. Năm 1990, trường được tách thành Trường Tiểu học Phú Mỹ và Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ. Lúc này, trường thuộc Phòng Giáo dục huyện Châu Thành.

Sau khi huyện Tân Phước được thành lập, năm 1995, Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Phước theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 11/3/1995 của Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phước. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục; vinh dự nhận được 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2005 và năm 2019.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01 người; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 03; nữ: 07. Đội thiếu niên: 609 đội viên; nam: 302; nữ: 307.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 11; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 28, Nam: 10, nữ: 18. Cử nhân (đại học); 24 ; Cử nhân (cao đăng): 08.

Tổng số học sinh: 609; nam: 602; nữ: 607.

Tổng diện tích: 8560 m2; diện tích sử dụng: 8560 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu (giáo viên và học sinh).

**4. Trường Trung học cơ sở Tân Hòa Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Thành).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733649567

Trang thông tin điện tử: thcstanhoathanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanhoathanhtp@gmail.com

Năm 2012, Trường Trung học cơ sở Tân Hòa Thành được thành lập theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước trên cơ sở chia tách từ Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 07; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 15; nữ: 22. Đội thiếu niên: 658 đội viên; nam: 329; nữ: 329.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 35; nam: 16; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 33; nam: 14; nữ: 19. Cử nhân (đại học); 23; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 658; nam: 320; nữ: 338.

Tổng diện tích: 7845,7m2; diện tích sử dụng: 5.005,5m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 06.

**5. Trường Trung học cơ sở Tân Lập**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lập 1).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733642056 .

Trang thông tin điện tử://thcstanlap.pgdtanphuoc.edu.vn/

Email: c2tanlaptp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2001, Trường Trung học cơ sở Tân Lập được thành lập theo Quyết định 487/2001/QĐ.UB ngày 22/8/2001 của Uỷ ban Nhân dân huyện Tân Phước trên cơ sở chia tách Trường Phổ thông cơ sở Tân Lập 1. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lập 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 10; nữ: 11; Chi ủy: 04 ; nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02 người; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02. Đội thiếu niên: 449 đội viên; nam: 235; nữ: 214.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 11; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 23; nam: 09; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học); 17; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 449; nam: 235; nữ: 214.

Tổng diện tích: 11.597,7 m2; diện tích sử dụng: 11.597,7 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học:12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: chưa có; nhà vệ sinh: 04 khu.

**6. Trường Trung học cơ sở Thạnh Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733644029

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhmy.pgdtanphuoc.edu.vn

Email: c2thanhmytp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 485/2000/QĐ.UB ngày 17/8/2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Mỹ.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 06; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam:02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 đoàn viên; nam: 13; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; 2 nam: 02; nữ: 10. Đội thiếu niên: 303 đội viên; nam: 151; nữ: 152.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 13; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 21; nam: 09; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 13

Tổng số học sinh: 303; nam: 151; nữ: 152.

Tổng diện tích: 21.251 m2; diện tích sử dụng: 3.500 m2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 05; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; nhà vệ sinh: 02 khu.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Hưng Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733646270

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: C1hungthanhtp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Hưng Thạnh được thành lập năm 1978. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hưng Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 05 ; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03; nữ: Đội thiếu niên: 303 đội viên; nam: 176; nữ: 127.

 Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 10; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 29; nam: 09; nữ: 20. Cử nhân (đại học); 14 ; Cử nhân (cao đăng): 08; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 488; nam: 266; nữ: 222

Tổng diện tích: 5.763,7 m2; diện tích sử dụng: 5.763,7 m2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 2.205 m2 ; khu thể thao: 750 m2 ; nhà vệ sinh: 06 .

**2. Trường Tiểu học Mỹ Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Mỹ Phước).

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733808098

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1ttmyphuoc.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Phước được thành lập 1976 thuộc huyện Châu Thành. Đến năm 1994, khi huyện Tân Phước được thành lập, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Thị trấn Mỹ Phước. Trong thời điểm này trường có 3 cấp học, gồm Mầm Non, Cấp I (từ lớp 1 - lớp 5), Cấp II (từ lớp 6 - lớp 9); đến năm 1998, trường còn có các lớp Cấp III (từ lớp 10 - lớp 12). Năm 1999, Ủy ban Nhân dân huyện cho tách các cấp học Mầm Non, Cấp I, Cấp II và Cấp III của Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Mỹ Phước thành các Trường Mầm non Thị trấn Mỹ Phước, Trường Tiểu học Thị trấn Mỹ Phước, Trường Trung học cơ sở Thị trấn Mỹ Phước và Trường Trung học phổ thông Tân Phước. Trường Tiểu học Thị trấn Mỹ Phước được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Thị trấn Mỹ Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 04; nữ: 26; Chi ủy: 05; nam 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03 ; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 03; nữ: 12. Đội thiếu niên: 609 đội viên; nam: 297; nữ: 312.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 50, nam: 11; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 44; nam: 09, nữ: 35. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (Cao đẳng): 08; Trung cấp: 05

Tổng số học sinh: 1.026; nam: 493; nữ: 513.

Tổng diện tích 16.882 m2; diện tích sử dụng; 16.882 m2.

Trường có 05 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 31; phòng vi tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 05.

**3. Trường Tiểu học Phú Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273-3849023

Trang thông tin điện tử: thphumya.tiengian.edu.vn

Email: c1phumyatp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú Mỹ A và Trường Phổ thông cấp 1 Phú Mỹ B được thành lập. Năm 1996, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Mỹ A và Trường Tiểu học Phú Mỹ B. Tháng 7-2016, hai trường được hợp nhất thành Trường Tiểu học Phú Mỹ. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, được nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước (2007) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2013).

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Xã Phú Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ 13; Chi ủy: 04; nam: 02 ; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 12 ; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06 . Đội thiếu niên: 554 đội viên; nam: 264; nữ: 290.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12 ; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 36; nam: 11; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đăng): 05; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 755; nam: 373; nữ: 382.

Tổng diện tích: 7.911 m2; diện tích sử dụng: 7.911 m2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 33 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 05.

**4. Trường Tiểu học Phước Lập**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Lập).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.848355

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1phuoclap1tp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Phước Lập được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Phước Lập 1 và Trường Tiểu học Phước Lập 2. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2012).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Lập.

 Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 09; nữ: 11; Chi ủy; 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02. Đội thiếu niên: 347 đội viên; nam: 172; nữ: 175.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 11; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 26, nam: 10, nữ: 16. Cử nhân (đại học): 19 ; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 573; nam: 302; nữ: 271.

Tổng diện tích: 10.446,2 m2; diện tích sử dụng: 10.446,2m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 05; phòng học: 23 ; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 02; phòng âm nhạc: 01; phòng đọc: 01; phòng vi tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02 ; nhà vệ sinh: 06.

**5. Trường Tiểu học Tân Hòa Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Tây).

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733848454

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanhoatay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Hòa Tây được thành lập theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 11 tháng 03 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 05; nữ: 02; Chi ủy: 02; nam: 02; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 09. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên, nam: 01; 01 nữ: 01. Đội thiếu niên: 100 đội viên; nam 46; nữ: 54.

Tổng số cán bộ, viên chức: 16; nam: 07; nữ: 09. Tổng số giáo viên: 14; nam: 06; 8 nữ: 08. Cử nhân (đại học): 11; Cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 173; nam: 81; nữ: 92.

Tổng diện tích: 4.554,7 m2; diện tích sử dụng; 4.554,7 m2.

Trường có ó dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 06; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 00; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02.

**6. Trường Tiểu học Tân Hòa Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Thành).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 849143

Trang thông tin điện tử: http://thtanhoathanha.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanhoathanhatp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2018, Trường Tiểu học Tân Hòa Thành được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Tân Hòa Thành A và Trường Tiểu học Tân Hòa Thành B. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2018.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 09; nữ: 17; Chi ủy: 04; nam: 02; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 01; nữ: 09. Đội thiếu niên: 517 đội viên; nam: 276; nữ: 241.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 15; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 44; nam: 13; nữ: 31. Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 11; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 926; nam: 502; nữ: 424.

Tổng diện tích: 8.203,3 m2; diện tích sử dụng: 8.203,3 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 28; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 04; phòng mỹ thuật: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng truyền thống công tác đội: 02; phòng y tế: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 08.

**7. Trường Tiểu học Tân Lập 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Tân Lập 2).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733642034

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanlap2tp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1995. Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lập 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 05; nữ: 05; Chi ủy: 03, nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 01, nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 156 đội viên; nam: 70; nữ: 86.

Tổng số giáo viên: 16; nam: 06; nữ: 10. Cử nhân (đại học); 10; Cử nhân (cao đăng): 06;

Tổng số học sinh: 253; nam: 120; nữ: 133

Tổng diện tích: 4.706,4 m2; diện tích sử dụng: 1.422m2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 10; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02.

**8. Trường Tiểu học Thạnh Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lộc, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733644030.

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1thanhmytp.tiengiang@.moet.edu.vn

Trường Tiểu học Thạnh Mỹ được thành lập năm 1995. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 02; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 13 công đoàn viên; nam: 03; nữ: 10. Đội thiếu niên: 156 đội viên; nam: 77; nữ: 79.

Tổng số giáo viên: 13; nam: 03; nữ: 10. Cử nhân (đại học); 10; Cử nhân (cao đăng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 254; nam: 133; nữ: 121.

Tổng diện tích: 15.77,69 m2; diện tích sử dụng: 10.000 m2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 08; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02

**9. Trường Tiểu học Thạnh Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Tân).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 643 059

Trang thông tin điện tử: http://ththanhtan.tiengiang.edu.vn

Email: c1thanhtantp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1997, trường được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 1997 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Tân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 04; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 19 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 01. Đội thiếu niên: 175 đội viên; nam: 95; nữ: 80.

Tổng số cán bộ, viên chức: 19; nam: 08; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 17; nam: 06; nữ: 11. Cử nhân (Đại học): 10; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 281; nam: 133; nữ: 148.

Tổng diện tích 5.160 m2; diện tích sử dụng: 5.160 m2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 10 ; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 03.

\***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1. Kinh/Kênh Bà Bèo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là **nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm. D**ân gian gọi trại “Bàu” thành “Bà”) + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước). Kinh/Kênh Bàu Bèo gọi trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh Bà Bèo được đô đốc Tây Sơn là Đặng Trấn cho đào năm 1785 nhằm trấn áp quân Đông Sơn do Đỗ Thanh Nhơn chỉ huy. Đây là lực lượng ủng hộ Nguyễn Ánh trong việc tranh chấp với phong trào Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyện Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Lúc đó, con kinh/kênh này được sách sử chép là Tranh giang Tân kinh (Kinh/kênh mới rạch Chanh). Lúc đó, vì kinh/kênh chảy ngang qua Bàu Bèo nên dân gian gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Trong nửa sau thế kỷ XIX, kinh/kênh Bà Bèo là tuyến đường thủy quan trọng trong việc vận chuyển nông sản, hàng hóa từ miền Tây đến Sài Gòn và ngược lại, nên được người Pháp gọi là kinh/kênh Thương Mãi (Arroyo de Commercial). Về sau, khi có kinh/kênh Chợ Gạo, con kinh/kênh này không còn vai trò thương mãi như trước, nên được dân gian gọi là Sông Cũ. Hiện nay, tên gọi phổ biến là kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy; thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Xáng Lacour, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 7,22 km, bề ngang 25 - 30 m, sâu 25 - 30 m, diện tích phục vụ 780 ha.

**2.** **Kinh/Kênh Bắc Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Từ chỉ phương hướng (Bắc Đông).

Kinh/Kênh Bắc Đông là một đoạn trong ba kinh/kênh Đồng Tiến - Lagrange - Bắc Đông nối tiếp nhau, đã được đào từ thời Pháp thuộc, chạy từ tây sang đông, nối liền sông Tiền với sông Vàm Cỏ Tây. Trước đây, đoạn kinh/kênh Bắc Đông chỉ dài 14 km tính từ chỗ tiếp giáp với kinh/kênh Lagrange đến sông Vàm Cỏ Tây. Năm 1987, đã đào thêm một kinh/kênh mới dài 14,5 km chạy thẳng từ Kinh/Kênh 12 ở phía tây đến chỗ giáp kinh/kênh Lagrange và kinh/kênh Bắc Đông, con kinh/kênh mới này cũng gọi là kinh/kênh Bắc Đông. Năm 1994, kinh/kênh được nạo vét.

Tổng chiều dài của kinh/kênh Bắc Đông là 28,5 km, trong đó phần thuộc địa phận Tiền Giang là 20,3 km, chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Hòa, Thạnh Tân thuộc huyện Tân Phước, sâu 2,9 - 3,2 m, bề ngang 23 - 37 m, diện tích phục vụ 2.039 ha.

**3.** **Kinh/Kênh Cà Dăm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cà dăm: là cây gỗ cao 10-20 m; vỏ cây được dùng làm thuốc, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, phong tê thấp).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; xã Nhị Bình,huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Mỹ Long - Bà Kỳ, dài 6,54 km, bề ngang 19 - 49 m, sâu 1,8 - 3,7 m, diện tích phục vụ 654 ha, được đào năm 2006.

**4.** **Kinh/Kênh Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Khmer (Bưng).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long An, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành và các xã Tân Lập 1, Tân Lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 16,4 km, bề ngang 22 - 29 m, sâu 1,5 - 4,5 m, diện tích phục vụ 1.290 ha.

**5.** **Kinh/Kênh Lộ Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Tính từ (Mới).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Thạnh Mỹ thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, điểm cuối nối với kinh/kênh Bắc Đông, dài 11,55 km, bề ngang 23 - 37 m, sâu 2,2 - 3,0 m, diện tích phục vụ 2.310 ha, được đào năm 1990.

**6. Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh?Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Tấn Thành).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Tấn Thành:

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào “Đông Dương đại hội” và các “Ủy ban Hành động” do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi “chôn nhau cắt rốn” của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

**7. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thưở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là “Arroyo Commercial” (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: “Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh”.

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

**8**. **Kinh/Kênh Quản Thọ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Hòa Thành, Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Chợ Bưng, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 14,36 km, bề ngang 15 - 27 m, sâu 0,9 - 2,6 m, diện tích phục vụ 1.290 ha, được đào năm 2006.

**9**. **Kinh/Kênh Sáu Ầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ trong gia đình (Sáu) + Tên người (Ầu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Long Định thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Lập 1, Tân lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Quốc lộ 1, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 1, dài 5,87 km, bề ngang 20-:-25 m, sâu 2,0 - 2,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**10.** **Kinh/Kênh Tràm Mù**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: trong ngữ cảnh này, là mù mịt). Tràm Mù là nơi cây tràm mọc mù mịt như rừng.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 1, điểm cuối nối với rạch Láng Cát, dài 22,1 km, bề ngang 17 - 20 m, sâu 1,4 - 2,9 m, diện tích phục vụ 4.474 ha, được đào năm 1994.

**11. Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (Huyện Tân Phước)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt: Vào cuối thế kỷ XIX, chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cho đào một con kênh/kinh từ rạch Cái Bè vào Đồng Tháp Mười. Con kênh/kinh này chạy dọc theo ranh giới giữa hạt tham biện Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) và hạt tham biện Tân An (nay là tỉnh Long An), nên gọi là kênh/kinh Hai Hạt) + Họ và tên người (Trương Văn Sanh).

Tiểu sử Trương Văn Sanh (1918 – 1959):

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Lúc này, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch ”tố cộng”, ”diệt cộng”, đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông theo lối hành hình thời trung cổ bằng cách mổ bụng moi gan mang về trình lên tên quận trưởng Cai Lậy để lãnh thưởng.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây; tên trường tiểu học, tên đường tại thị xã Cai Lậy và tuyến kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh chảy xuyên qua ba huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè hiện nay.

Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (đoạn chảy trên địa bàn huyện Tân Phước) chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, Tân Hòa Tây thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với rạch Láng Cát, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 12, dài 25, 55 km, bề ngang 20 - 27 m, sâu 1,7 - 3,9 m, diện tích phục vụ 5.580 ha, được đào năm 1990.

**12**. **Kinh/Kênh 1 (Huyện Tân Phước)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (1).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 6,84 km, bề ngang 19 - 34 m, sâu 1,8 - 4,4 m, diện tích phục vụ 547 ha, được đào năm 2006.

**13. Kinh/Kênh 2 (Huyện Tân Phước)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (2).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 7.22 km, bề ngang 23 - 37 m, sâu 2,1 - 2,8 m, diện tích phục vụ 786 ha, được đào năm 2006.

**14**. **Kinh/Kênh 3 (Huyện Tân Phước)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (3).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 8,27 km, bề ngang 17 - 22 m, sâu 1,3 - 1,6 m, diện tích phục vụ 845 ha, được đào năm 2006.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1**. **Đình Dương Hòa**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Dương Hòa).**

Đình Dương Hòa tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19. Trải qua nhiều năm, đình bị xuống cấp trầm trọng. Vì thế, năm 2019, đình được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước tiến hành xây dựng, trùng tu với các hạng mục chính gồm: San nền, xây mới vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà bếp, nhà kho, nhà vệ sinh, hàng rào và hệ thống thoát nước,… với tổng điện tích khoảng 2.000 m

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh do nhân dân tín ngưỡng, các vị Tiền hiền, Hậu hiền. Mỗi năm, đình có 4 lễ cúng: Khai sơn (6 tháng 1 âm lịch), Hạ điền (12 tháng 4 âm lịch), Thượng điền (12 tháng 9 âm lịch), cầu an (12 tháng 12 âm lịch).

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng vững chắc của xã Tân Hòa Thành.

Đình Dương Hòa được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**2. Đình Hưng Thạnh**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).**

Đình Hưng Thạnh tọa lạc tại ấp Hưng Phú, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ 19. Đình Hưng Thạnh là cửa ngõ của Đồng Tháp Mười trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, là trụ sở của lực lượng khởi nghĩa Nam kỳ 1940, khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 của xã và là địa điểm liên lạc của Tỉnh ủy Gò Công, Huyện ủy Chợ Gạo và các xã của huyện Châu Thành. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đình là điểm giao liên của Khu 8, là cơ sở quan trọng của các lực lượng cách mạng của ta tại căn cứ Tỉnh ủy ở Hưng Thạnh. Cho nên, đình đã bị giặc đốt phá nhiều lần và bị bom đạn phá hủy hoàn toàn. Sau ngày 30/4/1975, đình được xây dựng lại. Năm 2006, đình được trùng tu quy mô lớn, với vật liệu hiện đại, như cột bê tông cốt thép, xây tường chung quanh, mái lợp ngói móc (ngói Tây) và lót gạch men ở chánh điện). Đình có tổng diện tích 3.691 m², diện tích xây dựng 324 m2, bao gồm: vỏ ca, chánh điện và nhà khói.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 3 lễ cúng: ngày 7 tháng giêng cúng Khai sơn Thủy tạ; ngày 15 và 16 tháng 6 cúng Kỳ yên; ngày 15 và 16 tháng 11 cúng Hạ ngươn.

Đình Hưng Thạnh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

**3. Đình Phú Mỹ**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).**

Đình Phú Mỹ tọa lạc tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1925, 1970, 1994, 2012, đình có diện mạo như hiện nay. Với tổng diện tích 4.000 m², diện tích xây dựng 418,65 m², đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Bên trong đình có nhiều bức hoành phi, liễn, bao lam,… được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo mang tính nghệ thuật cao với chủ đề tứ linh, tứ quý, chim hoa, dơi,…

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, bà Chúa xứ nương nương, các vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian, các vị tiền hiền, Hậu hiền. Mỗi năm, đình có 4 lễ cúng: Khai sơn (15 tháng 1 âm lịch), Hạ điền (15 tháng 4 âm lịch), Thượng điền (15 tháng 9 âm lịch), cầu an (15 tháng 12 âm lịch).

Đình Phú Mỹ được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**4. Đình Tân Hội Tây**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Hội Tây).**

Đình Tân Hội Tây tọa lạc tại ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ 19 và trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1956, 1960, 1985, 1998, 2012. Đình có tổng diện tích 4.688 m2, diện tích xây dựng 1.14.4 m², được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện, phía sau có nhà hậu.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị Tiền hiền và hậu hiền. Mỗi năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền (15, 16 tháng 4 âm lịch) và Thượng điền (15, 16 tháng 12 âm lịch).

Hiện nay, đình còn lưu giữ các bức hoành phi, liễn, bao lam được sơn son thếp vàng và chạm trỗ công phu, tinh xảo, có tính nghệ thuật cao.

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Tân Hội Tây được UBND tỉnh Tiềng công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

**5. Đình Tân Thành**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Thành).**

Đình Tân Thành tọa lạc tại Ấp 2, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ. Năm 1989, đình được xây dựng lại theo kiểu chữ nhị (=), gồm hai phần: vỏ quy và chánh điện với vật liệu là bê tông, mái tole, nền lát gạch tàu. Đình có tổngdiện tích là 4.637 m2, trong đó diện tích xây dựng là 113,69 m²

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị Tiền hiền và hậu hiền. Mỗi năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền (15, 16 tháng 3 âm lịch) và Thượng điền (15, 16 tháng 11 âm lịch).

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Tân Thành được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

**Khái niệm Miếu**

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

**Miếu Bà Chúa Xứ Cống Tượng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Vị thần theo tín ngưỡng dân gian của người Việt (Bà Chúa Xứ) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh chỉ động vật (Tượng: Voi).

 Miếu Bà Chúa XứCống Tượng tọa lạc tại Cống Tượng, ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

Miếu được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Năm 2013, do việc nạo vét kênh Nguyễn Văn Tiếp, nên miếu được di dời về phần đất kế bên ngôi miếu cũ có diện tích 3.791 m2 do gia đình ông Đoàn Thanh Long hiến tặng. Miếu được xây mới và khánh thành ngày 19/10 năm Bính Thân (18/11/2016).

Miếu gồm có tiền điện, chánh điện và hậu điện, trước chánh điện có hai ngôi miếu nhỏ: phía bên trái là miếu Chư thần chư vị; phía bên phải là miếu Chiến sĩ, giữa hai ngôi miễu nhỏ này là cột cờ. Bên trong chánh điện thờ Bà Chúa Xứ, vốn được xem là vị thần bảo hộ, vô cùng nổi tiếng và linh ứng. Bà là nữ thần thịnh vượng, có thể phù trợ người làm ăn, kinh doanh, buôn bán, mang đến sự thành công trong công việc. Bà cũng thường được người dân cầu nguyện ban phước lộc, sức khỏe, con cái, cuộc sống gia đình, mong cầu công việc tương lai hay sự thành công trong việc học tập, công danh, sự nghiệp.

Miếu còn là cơ sở cách mạng quan trọng ở địa phương trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Bà Chúa Xứ Cống Tượng được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1.Thánh thất Khổ Hiền Trang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Công trình tôn giáo (Khổ Hiền Trang: là cái trại hay cái nhà lớn, lập ra để những người hiền đến ở tu hành).

Thánh thất Khổ Hiền Trang được xây dựng trước năm 1927, tọa lạc tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước.

**2. Thánh thất Tân Hòa** **Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hòa Thành).

Thánh thất Tân Hòa Thành được xây dựng trước năm 1939, tọa lạc tại Ấp 1, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

**Xóm Đào**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên công trình xây dựng (Kênh Đào).

Xóm Kênh Đào, gọi tắt là Xóm Đào, nằm trên bờ bắc kênh đào Nguyễn Văn Tiếp, có chiều dài gần 2,5 km từ kênh Tây xuống đến cống Bà Rãnh, nay thuộc địa phận xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

Xóm Đào có liên quan đến chiến thắng Xóm Đào tháng 6/1965. Dự đoán được kế hoạch của quân địch, đêm 28/6/1965, tiểu đoàn 261 của ta và du kích xã đã đào công sự, bố trí trận địa, sẵn sàng chiến đấu. Sáng sớm ngày 29/6/1965, một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn được trực thăng đổ quân xuống Xóm Đào, ngay địa bàn đóng quân của tiểu đoàn 261. Khoảng 6 giờ ngày 29/6/1965 , đợi quân địch đi sát trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng diệt ngay bọn đi đầu, bọn đi sau hoảng sợ chạy ra khỏi trận địa để củng cố lực lượng và kêu gọi quân tiếp viện. Sau đó, địch cho pháo binh, máy bay bắn phá hơn một giờ đồng hồ vào trận địa ta. Cả Xóm Đào tràn ngập khói lửa hủy diệt của bom đạn. Lúc này, khu chiến thuật Tiền Giang và Bộ tư lệnh Sư đoàn 7 tăng cường thêm một số trung đoàn bộ binh, tiểu đoàn thám sát, 2 chi đoàn xe thiết giáp và hơn 100 máy bay chiến đấu yểm trợ, quyết tâm bao vây tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta tại trận Xóm Đào.

Đã có nhiều kinh nghiệm trong tác chiến phòng ngự vòng tròn nên các chiến sĩ nên ta đã bình tĩnh đợi địch đến thật gần công sự mới nổ súng. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức quyết liệt, ta đã đẩy lùi hàng chục cuộc tấn công của địch, tiêu diệt 300 tên, bắn cháy 04 máy bay. Càng chiến đấu, sự kết hợp giữa lực lượng chủ lực và dân quân du kích xã Mỹ Hạnh Đông càng chặt chẽ hơn. Nhân dân Mỹ Hạnh Đông đã không sợ hy sinh, tiếp tế cơm nước đến tận trận địa. Chính sự dũng cảm của các mẹ, các chị đã thôi thúc tinh thần chiến đấu cho các chiến sĩ của ta.

Đến 17 giờ, lợi dụng lúc địch lo củng cố đội hình, toàn bộ lực lượng của ta rời khỏi công sự, tấn công thẳng vào giữa đội hình của chúng, tiêu diệt gọn 1 đại đội bộ binh, bắt sống hơn 30 tên, thu hàng trăm khẩu súng, rồi rút lui về vùng căn cứ Ấp Bắc.

Sau chiến thắng Ấp Bắc năm 1963, đây là trận thắng lớn của quân ta, có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với địa phương. Chiến thắng xóm Đào được báo giải phóng miền Trung Nam Bộ ca ngợi:

*“Ai về xã Mỹ Hạnh Đông,*

*Mà xem chiến sĩ Hi rôn diệt thù.*

*Ai về kinh Cũ, Xóm Đào*

*Mà xem đồng bào đi lượm súng rơi”*

(Thơ Nguyễn Xuân Phán)

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

**Khái niệm:**

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

**1. Xứ Ao Bèo**

Xứ Ao Bèo là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Phước An, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Thực vật thủy sinh (Bèo).

Xứ Ao Bèo là vùng đất có ao bèo.

**2. Xứ Bàu Bầu**

Xứ Bàu Bầu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Điền, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Bàu: **nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn)** + Thực vật (Trái bầu) hoặc Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Bàu: **nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn)** + Hình dạng (Giống như trái bầu).

Xứ Bàu Bầu là nơi đất trũng trồng nhiều cây bầu hoặc là nơi đất trũng có hình dạng giống như trái bầu.

**3. Xứ Kiến Vàng**

Xứ Kiến Vàng là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Hưng Thạnh, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tên một loại côn trùng (Kiến vàng: do bụng kiến có màu vàng nên được gọi là Kiến vàng, sống theo bầy đàn, có khả năng khống chế và tiêu diệt nhiều loại côn trùng gây hại).

Xứ Kiến Vàng là vùng đất có nhiều kiến vàng.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Từ Hán Việt (Bảo tồn: Giữ gìn, không để bị mất mát, tổn thất) + Ngành Sinh học (Hệ sinh thái: bao gồm quần xã sinh vật và sinh cảnh. Sinh vật trong quần xã luôn tác động lẫn nhau và đồng thời tác động qua lại với các thành phần vô sinh của sinh cảnh. Nhờ đó hệ sinh thái là một hệ thống sinh học hoàn chỉnh và tương đối ổn định[[12]](#footnote-12)) + Địa danh chỉ vùng (Đồng Tháp Mười: một vùng đất ngập nước phía đông sông Tiền trải rộng trên ba tỉnh Long An, Đồng Tháp và Tiền Giang, rộng khoảng 700.000 ha).

Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười được thành lập vào năm 1999, thuộc địa bàn xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đây là nơi có hệ sinh thái đa dạng, bảo tồn được nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Hiện nay, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười có diện tích khoảng 100 ha, gồm 40 ha rừng tràm nguyên sinh, 40 ha mặt nước. Vùng đệm xung quanh khu bảo tồn có diện tích 1.800 ha, chủ yếu là rừng tràm.

Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười có khoảng 156 loài thực vật, lớp chim 147 loài, lớp cá 34 loài, lớp lưỡng thê 8 loài, lớp côn trùng 30 loài. Số lượng các loài chim đã có hàng vạn cá thể. Thông qua việc bảo vệ nghiêm ngặt, môi trường sống thuận lợi, yên bình và an toàn là những yếu tố thu hút các loài chim nước về sinh sống tại Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười ngày càng nhiều. Trung bình mỗi năm, ở đây còn có thêm khoảng 1.000 chim, thú sinh sôi và được dẫn dụ từ các nơi khác đến. Trong đó, nhiều nhất là họ hàng các loài cò. Gần đây, Khu Bảo tồn có thêm nhiều loài chim quý hiếm có trong Sách đỏ Việt Nam. Đặc biệt, dang sen - loài chim nước rất to đã về sống, làm tổ, đẻ con tại Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười. Năm 2023, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười đã quy tập được trên 12.000 con chim, cò trú ngụ sinh sản như: Cò trắng, cò ngàn, le le, vịt trời, diệc xám, điên điển, trích, quốc…

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn, nuôi dưỡng, chăm sóc các loài động, thực vật thiên nhiên, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười còn có tiềm năng phát triển du lịch. Trong những năm qua, để thạo thuận lợi hơn cho du khách, địa phương đã tiến hành san lấp mặt bằng, đường dẫn vào khu bảo tồn, đường nội bộ, cầu tàu nhỏ, nhà dừng chân, bãi đậu xe... Thời gian tới, nơi đây sẽ là một trong những điểm đến hấp dẫn trên bản đồ du lịch Tiền Giang cũng như trong thế liên kết phát triển du lịch tiểu vùng Đồng Tháp Mười giữa các tỉnh Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng:**

**Khái niệm:**

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

**Vùng Đồng Tháp Mười**

 Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Địa hình tự nhiên (Đồng) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Tháp) + Chữ số (Mười).

Đồng Tháp Mười là vùng đất nhập nước phía đông sông Tiền trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp, có diện tích khoảng 700.000 ha.

Tên gọi của địa danh này lần đầu tiên xuất hiện dưới dạng chữ Hán - Thập Tháp (十塔) trong *Châu bản triều Nguyễn* ngày 27-3-1865; xuất hiện dưới dạng chữ Quốc ngữ - Tháp Mười trong bản tin của Công báo Nam kỳ thuộc Pháp khi nói về cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương: “Ngày 17.4.1866, quân Pháp đã chiếm được Tháp Mười”.

Tên gọi Tháp Mười có hai cách giải thích: (1) Là nơi có ngọn tháp cao 10 tầng; có lẽ xuất phát từ cách giải thích này mà chính quyền Ngô Đình Diệm vào năm 1956 cho xây dựng tại Gò Tháp (nay thuộc xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp) một cái tháp cao 10 tầng, đặt tên là Viễn Vọng đài nhằm mục đích quân sự; tháp này đã bị lực lượng vũ trang cách mạng đánh sập năm 1959; (2) Là tháp thứ 10 trong hệ thống 10 cái tháp được xây dựng tại Gò Tháp dưới thời vương quốc Phù Nam cổ (từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7).

Vì thế, dân gian gọi cánh đồng bao la có cái tháp cao 10 tầng hoặc cái tháp thứ 10 là Đồng Tháp Mười.

Trước đây, Đồng Tháp Mười là vùng đất hoang vu, đầy muỗi, đĩa, rắn,… và bị nhiễm phèn nặng, không thể canh tác. Trong thập niên 1980, ba tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang đã đẩy mạnh khai hoang vùng Đồng Tháp Mười.

Riêng tỉnh Tiền Giang, thành quả khai hoang **là huyện Tân Phước được thành lập vào ngày 27/8/1994. Đây là huyện vùng Đồng Tháp Mười duy nhất của tỉnh Tiền Giang. Sự ra đời và phát triển của địa phương trong suốt nhiều năm qua minh chứng về tính đúng đắn và thành quả Chương trình khai hoang, di dân lập nghiệp vùng Đồng Tháp Mười của Đảng và Nhà nước ta trong nửa cuối thế kỷ 20, giúp cho một bộ phận dân nghèo vươn lên, xóa đói giảm nghèo và dựng nên cơ nghiệp vững bền trên vùng đất mới, từng là căn cứ cách mạng kiên cường suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bộ mặt huyện Tân Phước ngày càng khởi sắc. Đời sống của người dân ngày càng phát triển. Năm 2023, tất cả xã trong huyện đều đạt chuẩn Nông thôn mới,** tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,8%. Phấn đấu đến năm 2024, nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập huyện, ra mắt huyện nông thôn mới; năm 2025, có 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao và nâng thu nhập bình quân đầu người lên 73,6 triệu đồng/năm.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

**Miệt khóm Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Khóm) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phước).

Huyện Tân Phước là nơi có điều kiện sinh thái và thổ nhưỡng thích hợp cho việc trồng và phát triển cây khóm. Được biết, khóm là cây công nghiệp hàng đầu của tỉnh.

Năm 1978, trên địa bàn Tân Phước, lần đầu tiên khóm được trồng tại nông trường Tân Lập. Năm 1981, diện tích cây khóm là 130 ha, sản lượng đạt 960 tấn. Từ đó trở đi, diện tích và sản lượng khóm liên tục được tăng lên. Hiện tại, toàn huyện có khoảng 90.000 ha khóm, sản lượng khoảng 80.000 tấn.

Với diện tích trồng khóm như vậy, Tân Phước là địa phương có diện tích trồng khóm đứng hàng thứ hai trên cả nước, chỉ xếp sau tỉnh Kiên Giang mà thôi.

Cây khóm Tân Phước là nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến rau quả của tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn người dân địa phương và cư dân từ nơi khác đến Tân Phước lập nghiệp.

Ở đây, nông dân thường trồng hai giống khóm là Queen và Cayenne:

- Queen có lá ngắn, dày, vỏ có màu xanh ửng tím, dày, gai nhiều, quả nhỏ và hai đầu thuổn lại, mắt nhỏ, hố sâu, khi chín vỏ có màu vàng tươi, ruột vàng đẹp, thơm ngon, năng suất khoảng 20 – 25 tấn / ha.

- Cayenne còn gọi là thơm Tây, có lá xanh to, quả lớn hình trụ, vỏ mỏng, mắt to, khi chín vỏ có màu cam tươi hơi xanh, ruột màu vàng nhạt, mềm, nhiều nước, có vị chua ngọt, năng suất cao hơn giống Queen.

Do giống Cayenne có một số ưu điểm hơn giống Quenn và được ưa chuộng trên thị trường quốc tế; nên từ năm 1995, nông dân đã thay dần giống Queen bằng giống Cayenne.

Trong việc trồng khóm, khâu làm đất, phần lớn, đã được cơ giới hóa. Nông dân còn sử dụng phân chuyên dùng cho khóm; áp dụng các biện pháp thâm canh và tiến bộ của khoa học – công nghệ vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất, chất lượng của khóm không ngừng được nâng lên.

Trái khóm không chỉ được tiêu dùng trong nước mà còn có giá trị xuất khẩu. Công ty rau quả Tiền Giang đã đầu tư các dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất các mặt hàng khóm đông lạnh, khóm đóng hộp, nước khóm cô đặc,... Ngoài tiêu thụ nội địa, hầu hết sản phẩm của công ty đã được xuất khẩu sang thị trường nhiều nước, góp phần tạo nguồn ngoại tệ quan trọng cho tỉnh. Trái khóm còn được chế biến thành kẹo khóm, nước màu khóm được người tiêu dùng ưa chuộng. Khóm Tân Phước đã đạt được chứng nhận Viet GAP.

1. Thật ra là tượng thần Visnu - một trong ba vị thần tối cao của Ấn Độ giáo (Braman: Thần sáng tạo; Visnu: Thần Bảo tồn; thần Xiva: Thần hủy diệt). [↑](#footnote-ref-1)
2. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-3)
4. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-4)
5. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-5)
6. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-7)
8. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-8)
9. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-9)
10. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-10)
11. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Sinh học lớp 12*, Nxb Giáo dục Việt Nam, trang 186. [↑](#footnote-ref-12)